

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm;
Nhiệm vụ, giải pháp 06 tháng cuối năm.
Phương án điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2019.**

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	
ĐẾN	Số: 002.026.....
	Ngày: 07/07/2019
Chuyển:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

Thực hiện chương trình công tác năm 2019, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh tình hình thực hiện Kế hoạch (KH) đầu tư công 06 tháng đầu năm 2019; nhiệm vụ, giải pháp 06 tháng cuối năm và phương án điều chỉnh KH điều chỉnh đầu tư công năm 2019, cụ thể như sau:

I. Kết quả thực hiện và giải ngân KH đầu tư công 06 tháng đầu năm 2019:

Tổng vốn KH đầu tư công năm 2019 (kể cả vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) là 7.821 tỷ 313 triệu đồng.

Tổng khối lượng thực hiện đến 31/5 là 2.942 tỷ 001 triệu đồng, đạt 37,6%KH¹. Tổng giá trị giải ngân đến 31/5 là 2.287 tỷ 389 triệu đồng, đạt 29,2%KH². Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/6 đạt 3.330 tỷ 800 triệu đồng, đạt 42,6%KH. Trong đó:

1. Vốn ngân sách Trung ương:

Tổng vốn ngân sách Trung ương là 321 tỷ 313 triệu đồng, chiếm 4,1% KH đầu tư công năm 2019, bao gồm: vốn nước ngoài (ODA) là 286 tỷ 423 triệu đồng, vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu 34 tỷ 890 triệu đồng.

Tổng khối lượng thực hiện đến 31/5 là 153 tỷ 367 triệu đồng, đạt 47,7%KH. Giải ngân đến 31/5 là 93 tỷ 404 triệu đồng, đạt 29,1%KH (trong đó vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu đã giải ngân đạt 100% KH). Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/6 đạt 153 tỷ 367 triệu đồng, đạt 47,7%KH.

2. Vốn ngân sách địa phương:

Tổng vốn ngân sách địa phương là 7.500 tỷ đồng, chiếm 95,9% KH đầu tư công năm 2019.

¹ Giá trị khối lượng thực hiện đến 31/05/2019 và Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/06/2019 được tổng hợp trên cơ sở báo cáo của 24/31 chủ đầu tư (07 CĐT chưa có BC chính thức).

² Giải ngân đến 31/05/2019 tổng hợp trên cơ sở báo cáo giải ngân chi tiết của Kho bạc nhà nước tỉnh. cùng kỳ năm 2018 đạt 14,8%KH.

Tổng khối lượng thực hiện đến 31/5 là 2.788 tỷ 634 triệu đồng, đạt 37,2%KH. Giải ngân đến 31/5 là 2.193 tỷ 985 triệu đồng, đạt 29,3%KH (đã bao gồm 1.193 tỷ 200 triệu đồng giải ngân theo cơ chế bội chi ngân sách địa phương). Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/6 đạt 3.177 tỷ 433 triệu đồng, đạt 42,4%KH, cụ thể theo từng cấp, từng ngành, lĩnh vực như sau:

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Tình hình thực hiện đến 31/5/2019		Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/6
				Khối lượng thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)	
	TỔNG CỘNG (A+B)	328	7.821.313	2.942.001	2.287.389	3.330.800
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (I+II)	3	321.313	153.367	93.404	153.367
I	VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)	2	286.423	118.477	58.514	118.477
II	VỐN TRONG NƯỚC	1	34.890	34.890	34.890	34.890
B	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III)	325	7.500.000	2.788.634	2.193.985	3.177.433
I	VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (1+2+3)	325	6.170.000	1.118.024	648.389	1.424.093
1	Vốn ngân sách tỉnh tập trung (1.1+1.2)	168	4.208.000	712.432	339.067	847.322
1.1	Chuẩn bị đầu tư (a+b+c)	71	68.315	4.870	1.599	6.352
1.2	Thực hiện dự án (a+b+c)	97	4.139.685	707.562	337.469	840.970
a	Hạ tầng kinh tế	43	2.756.485	421.826	277.347	621.936
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	38	991.200	132.308	52.523	111.195
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	16	392.000	153.428	7.599	107.839
2	Vốn xỏ sổ kiến thiết (a+b)	95	1.405.000	282.648	208.712	417.291
a	Cấp tỉnh làm chủ đầu tư	5	433.310	86.622	41.302	115.647
b	Cấp huyện làm chủ đầu tư	90	971.690	196.026	167.410	301.644
3	Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện	62	557.000	122.944	100.610	159.480
II	VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	0	1.330.000	477.410	352.396	560.140
III	VỐN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			1.193.200	1.193.200	1.193.200

(Chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo)

a) Tình hình thực hiện các chủ đầu tư: KH năm 2019 vốn ngân sách địa phương bố trí cho 31 chủ đầu tư với 325 dự án với tổng vốn bố trí là 7.500 tỷ đồng, cụ thể:

- **UBND 9 huyện, thị xã, thành phố:**

Tổng vốn bố trí 3.169 tỷ 765 triệu đồng, chiếm 42,3% ngân sách địa phương. Khối lượng thực hiện đến ngày 31/5/2019 là 867 tỷ 605 triệu đồng, giá trị giải ngân là 693 tỷ 510 triệu đồng, đạt 21,9%KH³. Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/6/2019 đạt 1.099 tỷ 731 triệu đồng, đạt 34,7%KH⁴.

- **Các Sở, ban ngành có KH vốn trên 200 tỷ đồng:**

³ Giải ngân đến 31/05/2019 tổng hợp trên cơ sở báo cáo giải ngân chi tiết của Kho bạc nhà nước tỉnh.

⁴ Trong đó có 02 huyện giải ngân đạt cao hơn mức chung của tỉnh là huyện Bàu Bàng (35,9%) và Bắc Tân Uyên (33%). Một số huyện, thị, thành phố giải ngân đạt thấp dưới 20%KH như: Tp. Thủ Dầu Một (9,8%), Tx Bến Cát (18,1%), Tx Thuận An (18,4%).

Bao gồm 4 chủ đầu tư được bố trí 4.059 tỷ 515 triệu đồng, chiếm 54,1% vốn ngân sách địa phương. Khối lượng thực hiện đến ngày 31/5/2019 là 597 tỷ 097 triệu đồng, giá trị giải ngân là 303 tỷ 515 triệu đồng, đạt 7,5%KH⁵. Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/6/2019 đạt 814 tỷ 140 triệu đồng, đạt 20,1%KH.

- **Các Sở, ban ngành có KH vốn từ 50 tỷ đến 200 tỷ đồng:**

Bao gồm 02 chủ đầu tư được bố trí 163 tỷ 550 triệu đồng, chiếm 2,2% vốn ngân sách địa phương. Khối lượng thực hiện đến ngày 31/5/2019 là 106 tỷ 964 triệu đồng, giá trị giải ngân là 1 tỷ 364 triệu đồng, đạt 0,8%KH⁶. Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/6/2019 đạt 40 tỷ 012 triệu đồng, đạt 24,5%KH.

- **Các Sở, ban ngành có KH vốn từ 10 tỷ đến 50 tỷ đồng:**

Bao gồm 04 chủ đầu tư được bố trí 85 tỷ 918 triệu đồng, chiếm 1,1% vốn ngân sách địa phương. Khối lượng thực hiện đến ngày 31/5/2019 là 14 tỷ 363 triệu đồng, giá trị giải ngân là 1 tỷ 792 triệu đồng, đạt 2,1%KH⁷. Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/6/2019 đạt 19 tỷ 867 triệu đồng, đạt 23,1%KH.

- **Các Sở, ban ngành có KH vốn dưới 10 tỷ đồng:**

Bao gồm 12 chủ đầu tư được bố trí 21 tỷ 252 triệu đồng, chiếm 0,3% vốn ngân sách địa phương. Khối lượng thực hiện đến ngày 31/5/2019 là 9 tỷ 405 triệu đồng, giá trị giải ngân là 604 triệu đồng, đạt 2,8%KH⁸. Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/6/2019 đạt 10 tỷ 607 triệu đồng, đạt 49,9%KH.

(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)

b) Tình hình thực hiện các công trình trọng điểm theo Chương trình 23-CTr/TU ngày 16/8/2016 của Tỉnh ủy:

KH năm 2019 bố trí cho 48 dự án với tổng vốn bố trí là 4.159 tỷ 008 triệu đồng, chiếm 55,5% tổng vốn ngân sách địa phương.

Khối lượng thực hiện đến ngày 31/5/2019 là 589 tỷ 945 triệu đồng, đạt 14,2%KH, giá trị giải ngân đến 31/5 là 377 tỷ 275 triệu đồng, đạt 9,1%KH⁹. Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/6/2019 đạt 852 tỷ 246 triệu đồng, đạt 20,5%KH. Trong đó 21 danh mục dự án chưa giải ngân.

(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)

⁵ Các chủ đầu tư đều giải ngân thấp: Công an tỉnh (2,7%), BQLDA chuyên ngành nước thải (3,3%), Ban QLDA ĐTXD tỉnh (8,7%), Sở NN&PTNT (11,2%).

⁶ Các chủ đầu tư đều giải ngân thấp: Bộ CHQS (0,7%), Đài PTTT (1,1%).

⁷ Các chủ đầu tư đều giải ngân thấp: SXD (0%), L&L&D (0,1%), Sở VHTTDL (0,8%), BVĐK (8,6%).

⁸ Có 03 CĐT giải ngân thấp: BV PHCN (23,2%), Trung tâm nước sạch (6,7%), Sở LĐ&TBXH (3,5%), và 09 chủ đầu tư chưa giải ngân.

⁹ Giải ngân đến 31/05/2019 tổng hợp trên cơ sở báo cáo giải ngân chi tiết của Kho bạc nhà nước tỉnh.

c) Tình hình thực hiện các dự án giải tỏa đền bù:

KH năm 2019 bố trí 10 dự án đền bù, giải phóng mặt bằng với tổng vốn bố trí là 867 tỷ 110 triệu đồng, chiếm 11,6% tổng vốn ngân sách địa phương.

Khối lượng thực hiện đến ngày 31/5/2019 là 128 tỷ 727 triệu đồng, đạt 14,8%KH, giá trị giải ngân đạt 89 tỷ 953 triệu đồng, đạt 10,4%KH. Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến ngày 30/6/2019 đạt 313 tỷ 434 triệu đồng, đạt 36,1%KH. Trong đó 09 dự án chưa giải ngân.

(Chi tiết tại phụ lục V kèm theo)

d) Tình hình thực hiện các dự án kéo dài thời gian giải ngân sang năm 2019: Có tổng số 7 dự án được bố trí KH đầu tư công năm 2018 kéo dài thời gian giải ngân sang năm 2019 với tổng vốn kéo dài là 235 tỷ 090 triệu đồng, giá trị giải ngân đến ngày 31/05/2019 là 46 tỷ 763 triệu đồng, đạt 20%KH. Trong đó 04 dự án chưa giải ngân.

(Chi tiết tại phụ lục VI kèm theo)

3. Nhận xét chung những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

a) Nhận xét chung:

- Tỷ lệ giải ngân chung toàn tỉnh tuy đạt khá so với cùng kỳ năm 2018 và tỷ lệ giải ngân chung của cả nước (đạt 26,4%¹⁰) nhưng vẫn đạt thấp so với mục tiêu đến 30/6/2019 đạt 50% KH; nếu loại trừ 1.193 tỷ 200 triệu đồng vốn bồi chi ngân sách địa phương thì tỷ lệ giải ngân của ngân sách địa phương đạt thấp.

- Theo số liệu tổng hợp từ các chủ đầu tư thì ước đến 30/6 chỉ có 10/31 chủ đầu tư giải ngân đạt trên 50%KH.

- Các công trình trọng điểm và đền bù, giải phóng mặt bằng tiến độ thực hiện và giải ngân chậm, vốn bố trí cho các dự án này chiếm phần lớn (67,1%) vốn ngân sách địa phương nhưng tỷ lệ giải ngân thấp hơn tỷ lệ chung cả tỉnh.

- Các dự án chuẩn bị đầu tư tiến độ thực hiện và giải ngân chậm, chỉ đạt 2,3%KH.

b) Nguyên nhân giải ngân KH đầu tư công 06 tháng đạt thấp:

- Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, kéo dài cụ thể:

+ Trình tự, thủ tục giải tỏa, đền bù dự án phức tạp, làm kéo dài thời gian dẫn đến công trình chậm triển khai thi công.

+ Một số dự án đền bù đã phê duyệt phương án bồi thường nhưng đến nay không còn phù hợp phải điều chỉnh, phê duyệt lại đơn giá bồi thường dẫn đến kéo dài thời gian và chưa chi trả được tiền đền bù cho người dân.

¹⁰ Theo KBNN TW đến 31/05/2019 tỷ lệ giải ngân cả nước đạt 23,25% KH Quốc hội giao và 26,39% KH TTCP giao.

+ Một số dự án chậm bàn giao mặt bằng do người dân không đồng thuận với đơn giá đền bù dẫn đến việc triển khai thực hiện dự án chậm so với tiến độ được phê duyệt và so với KH vốn được giao.

+ Công tác phối hợp giữa chủ đầu tư và cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện công tác giải tỏa, đền bù còn nhiều hạn chế, chưa linh hoạt.

- Các dự án chuẩn bị đầu tư tiến độ thực hiện và giải ngân chậm do trình tự thủ tục phải qua nhiều bước, việc thẩm định và phê duyệt dự toán vốn chuẩn bị đầu tư còn nhiều khó khăn, vướng mắc làm kéo dài khâu chuẩn bị đầu tư.

- Một số dự án mới lựa chọn nhà thầu và tạm ứng hợp đồng trong quý IV/2018, do đó khối lượng thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2019 phải hoàn ứng một phần cho KH đã tạm ứng năm 2018 nên giá trị giải ngân 6 tháng đầu năm 2019 chưa cao.

- Một vài dự án đang đấu thầu hoặc đã có kết quả lựa chọn nhà thầu nhưng bị khiếu kiện dẫn đến chậm ký kết hợp đồng và tạm ứng cho nhà thầu¹¹.

- Các dự án có khối lượng thực hiện đủ điều kiện giải ngân, tuy nhiên KH năm 2019 bố trí vượt KH đầu tư công trung hạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết 10/NQ-HĐND nên chưa giải ngân được.

- Các Chủ đầu tư chưa tập trung, quyết liệt trong việc xây dựng nhu cầu KH vốn và theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo các khâu từ chuẩn bị đầu tư đến đấu thầu triển khai thực hiện dự án dẫn đến một số hồ sơ dự án trình thẩm định kém chất lượng, phải trả lại; một số dự án phát sinh hạng mục, thay đổi đơn giá đền bù phải điều chỉnh dự án, điều chỉnh thiết kế làm cho quá trình chuẩn bị đầu tư mất nhiều thời gian.

- Phối hợp giữa Chủ đầu tư với các Sở, ngành chưa kịp thời, các Chủ đầu tư chưa chủ động báo cáo những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị cấp thẩm quyền giải quyết kịp thời.

II. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 06 tháng cuối năm 2019:

1. Nhiệm vụ:

- Nghiêm túc quán triệt và triển khai thực hiện các văn bản của UBND tỉnh về việc đôn đốc tập trung thực hiện và giải ngân KH đầu tư công năm 2019; phân đầu thực hiện và giải ngân KH đầu tư công năm 2019 đạt KH đề ra.

- Kịp thời triển khai Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng KH phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 đến các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện thị, thành phố và các chủ đầu tư; tổng hợp nhu cầu và xây dựng KH đầu tư công năm 2020 thông qua HĐND tỉnh.

¹¹ Kiến nghị HSMT gói thầu xây lắp Nâng cấp đường ĐH516, Kiến nghị HSDT gói thầu xây lắp thuộc dự án lắp đặt đèn chiếu sáng đường Trần Phú, đường Bàu Rong, đường Bàu Sen, đường Nguyễn Thị Minh Khai, đường Văn Công Khai, ĐT750, ĐT748, ĐH703, ĐH704.

- Tập trung xây dựng KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thông qua HĐND tỉnh làm cơ sở báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

- Đẩy nhanh thực hiện và giải ngân vốn các công trình quan trọng, trọng điểm của tỉnh; các dự án đền bù, giải phóng mặt bằng để bàn giao mặt bằng thi công, góp phần giải ngân đạt KH đề ra.

- Chủ đầu tư đôn đốc nhà thầu tập trung hoàn thiện các thủ tục nghiệm thu, thanh toán vốn, không để dồn khối lượng vào cuối năm đặc biệt là các công trình có khối lượng đền bù, giải tỏa lớn; thực hiện các thủ tục hoàn trả tạm ứng theo quy định. Kho bạc nhà nước thanh toán cho các dự án khi có đủ điều kiện giải ngân, phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư xử lý các vướng mắc phát sinh, rút ngắn thời gian kiểm soát chi.

- Các Chủ đầu tư chủ động, kịp thời báo cáo UBND tỉnh, các sở, ngành và các cơ quan có liên quan để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để kịp thời tháo gỡ.

- Rà soát danh mục các công trình đang thực hiện thủ tục quyết toán, đã được phê duyệt quyết toán để đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện đảm bảo thời gian quy định các dự án.

2. Một số giải pháp cụ thể:

- Trình HĐND tỉnh thông qua các nội dung điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn 2016-2020 lần 2 và điều chỉnh KH đầu tư công năm 2019 phù hợp theo khả năng cân đối nguồn vốn và tình hình triển khai thực hiện dự án để tạo cơ sở cho các chủ đầu tư thực hiện và giải ngân theo KH.

- Rà soát tình hình thực hiện và khả năng giải ngân đối với các dự án đến 30/6/2019 giải ngân dưới 50% để xem xét, có phương án xử lý.

- Sở Tài chính phối hợp với Kho Bạc nhà nước tỉnh tham mưu UBND tỉnh yêu cầu các chủ đầu tư có dự án hoàn thành nghiêm túc thực hiện công tác quyết toán theo quy định.

- Sở Xây dựng nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh ủy quyền cho chủ đầu tư phê duyệt dự toán vốn chuẩn bị đầu tư đối với các dự án đầu tư công để tạo điều kiện rút ngắn thời gian chuẩn bị đầu tư của dự án.

- Các ban quản lý dự án khu vực, ban quản lý dự án chuyên ngành nâng cao trách nhiệm trong công tác lựa chọn đơn vị tư vấn lập dự án, cũng như lựa chọn các giám đốc quản lý dự án có năng lực chuyên môn, trách nhiệm cao nhằm tránh tình trạng chất lượng dự án kém, phải chỉnh sửa, thẩm định, bổ sung hạng mục nhiều lần.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các chủ đầu tư để kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án và nhất là trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các dự án theo quy định nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, tránh thất thoát, lãng phí nguồn vốn đầu tư công.

III. Phương án điều chỉnh KH đầu tư công năm 2019:

1. Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung KH:

a) Đảm bảo các nguyên tắc bố trí vốn KH đầu tư công hàng năm theo quy định tại điều 54 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

b) Bổ sung, cập nhật các nguồn vốn theo KH Trung ương giao hàng năm và khả năng huy động thực tế của địa phương vào KH đầu tư công năm 2019.

c) Điều chỉnh giảm vốn đã bố trí của một số dự án có tiến độ triển khai chậm hoặc sau khi rà soát xác định dư vốn (do tiết giảm vốn đối ứng qua đấu thầu, ngưng chuẩn bị đầu tư, giảm trừ thanh quyết toán...). Đồng thời điều chỉnh tăng vốn cho các dự án có tiến độ nhanh và nhu cầu tăng vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện trong năm 2019. Tập trung vốn cho các công trình trọng điểm, các dự án đền bù giải phóng mặt bằng và các công trình có khả năng hoàn thành trong năm.

d) Bổ sung một số danh mục để chuẩn bị đầu tư, một số dự án quan trọng, cấp bách phát sinh trong quá trình điều hành phát triển kinh tế - xã hội, các dự án đã có chủ trương thống nhất của Tỉnh ủy, HĐND, UBND; bố trí vốn thực hiện dự án từ các nguồn vốn kết dư, dự phòng, bổ sung theo Nghị định 120/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ.

e) Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (vốn cấp huyện quản lý) bố trí cho các dự án đã đảm bảo thủ tục đầu tư và có khả năng giải ngân để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và một số công trình để khởi công, khánh thành chào mừng Đại hội đảng bộ cấp huyện nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Nội dung điều chỉnh KH đầu tư công năm 2019:

a) Về nguồn vốn điều chỉnh:

Qua rà soát khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương, dự kiến tổng nguồn vốn KH điều chỉnh đầu tư công năm 2019 là **12.139 tỷ 462** triệu đồng, **tăng 4.318 tỷ 149** triệu đồng so với đầu năm. Cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2019	KHĐC năm 2019	Tăng/giảm
	TỔNG SỐ	7.821.313	12.139.462	4.318.149
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	321.313	321.313	0
1	Vốn nước ngoài (ODA)	286.423	286.423	0
2	Vốn trong nước	34.890	34.890	0
II	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.500.000	11.818.149	4.318.149
1	Vốn đầu tư theo tiêu chí định mức	4.713.912	4.713.912	0

2	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	1.381.088	1.381.088	0
3	Vốn xổ số kiến thiết	1.405.000	1.405.000	0
4	Vốn kết dư đầu tư công năm 2017-2018	0	1.047.252	1.047.252
5	Vốn cải cách tiền lương kết dư năm 2018	0	487.500	487.500
6	Bội chi ngân sách địa phương	0	1.193.200	1.193.200
7	Nguồn vốn khác	0	1.590.197	1.590.197

Nguồn vốn tăng thêm so với kế hoạch đầu kỳ được cân đối từ các nguồn bổ sung sau:

- + Vốn kết dư đầu tư công năm 2017 và năm 2018: 1.047 tỷ 252 triệu đồng.
- + Vốn cải cách tiền lương kết dư năm 2018: 487 tỷ 500 triệu đồng.
- + Vốn bội chi ngân sách địa phương: 1.193 tỷ 200 triệu đồng.
- + Nguồn vốn khác: 1.590 tỷ 197 triệu đồng.

b) Phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019:

- Bố trí tăng vốn cho 144 dự án với tổng vốn tăng: 4.135 tỷ 332 triệu đồng.
- Bố trí giảm vốn cho 59 dự án với tổng vốn giảm: 354 tỷ 032 triệu đồng.
- Bổ sung danh mục 46 dự án với tổng vốn: 567 tỷ 434 triệu đồng.
- Ngưng bố trí 21 dự án với tổng vốn ngưng bố trí: 30.585 tỷ đồng.

c) Dự kiến phân bổ vốn theo ngành, lĩnh vực:

Vốn ngân sách địa phương.

* **Vốn ngân sách cấp tỉnh:** 8.882 tỷ 449 triệu đồng, phân bổ cho 324 dự án (giảm 01 dự án so với đầu kỳ).

- Vốn tỉnh tập trung:

+ Hạ tầng kinh tế: 2.806 tỷ 500 triệu đồng (tăng 1.893 tỷ 082 triệu đồng), phân bổ 83 cho dự án (tăng 04 dự án).

+ Hạ tầng văn hóa – xã hội: 1.386 tỷ 755 đồng (tăng 390 tỷ 275 triệu đồng), phân bổ cho 51 dự án (tăng 03 dự án).

+ Quản lý nhà nước – Quốc phòng – An ninh: 443 tỷ 574 triệu đồng (tăng 38 tỷ 574 triệu đồng), phân bổ cho 35 dự án (giảm 06 dự án).

- **Vốn xổ số kiến thiết:** 1.619 tỷ 518 triệu đồng, phân bổ cho 98 dự án (tăng 03 dự án so với đầu kỳ).

- **Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện:** 733 tỷ đồng (tăng 176 tỷ đồng), phân bổ cho 57 dự án (giảm 05 dự án).

***Vốn ngân sách cấp huyện:** 1.742 tỷ 500 triệu đồng, bao gồm vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện là 412 tỷ 500 triệu đồng và vốn phân cấp theo tiêu chí là 1.330 tỷ đồng.

Vốn ngân sách Trung ương: Thực hiện theo danh mục và kế hoạch vốn cụ thể của Trung ương giao.

- **Vốn nước ngoài (ODA):** phân bổ cho 02 dự án với tổng số vốn bố trí là 286 tỷ 423 triệu đồng.

- **Vốn trong nước đầu tư theo các chương trình mục tiêu:** phân bổ cho 01 dự án thuộc lĩnh vực giao thông với tổng số vốn phân bổ là 34 tỷ 890 triệu.

(Chi tiết phân bổ danh mục tại các Phụ lục III đến X trong Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2019)

3. Kiến nghị:

- HĐND tỉnh xem xét chấp thuận bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 với tổng vốn 12.139 tỷ 462 triệu đồng, tăng 4.318 tỷ 149 triệu đồng so với kế hoạch đầu năm.

- Giao UBND tỉnh trong quá điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hàng năm nếu có những danh mục dự án thay đổi, bổ sung so với kế hoạch đầu tư công trung hạn mà vẫn đảm bảo nguồn vốn cân đối thì chấp thuận cho điều chỉnh và giải ngân các danh mục đó và tổng hợp chung vào kỳ điều chỉnh trung hạn tổng thể tiếp theo để đảm bảo tính linh hoạt và chủ động trong điều hành kế hoạch đầu tư công hàng năm.

Trên đây là tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm, Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 06 tháng cuối năm 2019, và dự kiến kế hoạch điều chỉnh năm 2019. UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- CT và các PCT;
- Sở KHĐT, Sở TC;
- LĐVP (Lg), Thg, TH;
- Lưu: VT. *hư*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm

Phụ lục I
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG NĂM 2019
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
 (Kèm theo Báo cáo số 178 /BC-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Tình hình thực hiện đến 31/5/2019		Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/6	Tỷ lệ % đến 31/5		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Số dự án	Dự kiến Kế hoạch điều chỉnh 2019	Tăng/Giảm so với KH đầu năm	
				Khối lượng thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KL/KH	GN/KH				Tăng	Giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (5)/(4)	(9)= (6)/(4)	(10)= (7)/(4)	(11)	(12)	(13)= (12)-(4)	(14)= (12)-(4)
	TỔNG CỘNG (A+B)	328	7.821.313	2.942.001	2.287.389	3.330.800	37,6%	29,2%	42,6%	341	12.139.462	4.623.368	305.219
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (I+II)	3	321.313	153.367	93.404	153.367	47,7%	29,1%	47,7%	3	321.313	0	0
I	VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)	2	286.423	118.477	58.514	118.477	41,4%	20,4%	41,4%	2	286.423	0	0
II	VỐN TRONG NƯỚC	1	34.890	34.890	34.890	34.890	100,0%	100,0%	100,0%	1	34.890	0	0
	<i>Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu</i>	<i>1</i>	<i>34.890</i>	<i>34.890</i>	<i>34.890</i>	<i>34.890</i>	<i>100,0%</i>	<i>100,0%</i>	<i>100,0%</i>	<i>1</i>	<i>34.890</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
B	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III)	325	7.500.000	2.788.634	2.193.985	3.177.433	37,2%	29,3%	42,4%	338	11.818.149	4.623.368	305.219
I	VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (1+2+3)	325	6.170.000	1.118.024	648.389	1.424.093	18,1%	10,5%	23,1%	324	8.882.449	3.017.668	305.219
1	Vốn ngân sách tỉnh tập trung (1.1+1.2)	168	4.208.000	712.432	339.067	847.322	16,9%	8,1%	20,1%	169	6.529.931	2.500.884	178.953
1.1	Chuẩn bị đầu tư (a+b+c)	71	68.315	4.870	1.599	6.352	7,1%	2,3%	9,3%	63	454.427	395.300	9.188
a	Hạ tầng kinh tế	36	50.015	4.456	1.493	4.290	8,9%	3,0%	8,6%	33	431.465	384.455	3.005
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	10	5.300	414	106	1.696	7,8%	2,0%	32,0%	13	9.962	5.562	900
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	25	13.000	0	0	366	0,0%	0,0%	2,8%	17	13.000	5.283	5.283
1.2	Thực hiện dự án (a+b+c)	97	4.139.685	707.562	337.469	840.970	17,1%	8,2%	20,3%	106	6.075.504	2.105.584	169.765
a	Hạ tầng kinh tế	43	2.756.485	421.826	277.347	621.936	15,3%	10,1%	22,6%	50	4.268.117	1.581.253	69.621
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	38	991.200	132.308	52.523	111.195	13,3%	5,3%	11,2%	38	1.376.813	410.724	25.111
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	16	392.000	153.428	7.599	107.839	39,1%	1,9%	27,5%	18	430.574	113.607	75.033
2	Vốn xố số kiến thiết (a+b)	95	1.405.000	282.648	208.712	417.291	20,1%	14,9%	29,7%	98	1.619.518	221.818	7.300
a	Cấp tỉnh làm chủ đầu tư	5	433.310	86.622	41.302	115.647	20,0%	9,5%	26,7%	5	505.912	79.902	7.300
b	Cấp huyện làm chủ đầu tư	90	971.690	196.026	167.410	301.644	20,2%	17,2%	31,0%	93	1.113.606	141.916	
3	Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện	62	557.000	122.944	100.610	159.480	22,1%	18,1%	28,6%	57	733.000	294.966	118.966
II	VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	0	1.330.000	477.410	352.396	560.140	35,9%	26,5%	42,1%	14	1.742.500	412.500	0
1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		1.330.000	477.410	352.396	560.140	35,9%	26,5%	42,1%	0	1.330.000	0	
2	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện									14	412.500	412.500	
III	VỐN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG *			1.193.200	1.193.200	1.193.200					1.193.200	1.193.200	

(*) thực hiện và giải ngân theo cơ chế bội chi ngân sách

Phụ lục II

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TỈNH NĂM 2019

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TỈNH NĂM 2019

Phân theo các nguồn vốn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố

(Kèm theo Báo cáo số 178 /BC-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Tình hình thực hiện từ đầu năm đến 31/5/2019		Ước khối lượng giải ngân điều kiện giải ngân đến 30/6	Tỷ lệ % đến 31/5		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Tăng/Giảm so với KH đầu năm	
				KL thực hiện	Giải ngân		KL/KH	GN/KH			Tăng	Giảm
	TỔNG CỘNG (1+2+...+8+9)	164	2.858.690	796.380	620.416	1.021.263	28%	22%	36%	3.589.106	810.242	79.826
	Vốn phân cấp theo tiêu chí		1.330.000	477.410	352.396	560.140	36%	26%	42%	1.330.000	0	0
	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	57	557.000	122.944	100.610	159.480	22%	18%	29%	733.000	182.643	6.643
	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	93	971.690	196.026	167.410	301.644	20%	17%	31%	1.113.606	215.099	73.183
	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	14								412.500	412.500	
1	Thành phố Thủ Dầu Một	30	496.704	33.023	44.819	62.776	7%	9%	13%	526.704	30.000	
1.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		220.704	11.411	11.405	26.376	5%	5%	12%	220.704	0	0
1.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	15	180.000	13.067	24.958	26.728	7%	14%	15%	180.000	0	0
1.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	13	96.000	8.545	8.456	9.672	9%	9%	10%	96.000	10.969	10.969
1.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	2								30.000	30.000	
2	Thị xã Thuận An	19	502.223	69.180	91.081	122.440	14%	18%	24%	629.010	126.787	
2.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		264.823	40.990	65.047	65.047	15%	25%	25%	264.823	-	
2.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	6	64.200	10.017	11.785	26.300	16%	18%	41%	83.487	19.287	
2.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	10	173.200	18.173	14.249	31.093	10%	8%	18%	213.200	41.390	1.390
2.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	3								67.500	67.500	
3	Thị xã Dĩ An	15	441.858	173.657	148.064	193.720	39%	34%	44%	566.949	125.091	
3.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		256.208	107.261	83.384	104.077	42%	33%	41%	256.208		
3.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	2	50.000	12.376	10.677	12.376	25%	21%	25%	51.291	1.291	
3.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	12	135.650	54.020	54.003	77.267	40%	40%	57%	194.450	64.735	5.935
3.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	1								65.000	65.000	
4	Thị xã Tân Uyên	26	349.488	110.917	92.056	123.811	32%	26%	35%	422.488	73.000	
4.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		101.688	66.000	62.534	66.000	65%	61%	65%	101.688		
4.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	9	55.000	2.751	1.551	10.407	5%	3%	19%	55.000		

[illegible]

Phụ lục III

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG NĂM 2019

Phân theo các Chủ đầu tư (Nguồn vốn Ngân sách địa phương)

(Kèm theo Báo cáo số 178 /BC-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019	Tình hình thực hiện từ đầu năm đến 31/05/2019		Ước khối lượng giải ngân đến 30/6	Tỷ lệ GN/KH 31/5	Ước tỷ lệ GN/KH 30/6
			KL thực hiện (CĐT)	Giá trị giải ngân (KBNN)			
	TỔNG CỘNG	7.500.000	1.595.434	1.000.785	1.984.356	13,3%	26,5%
A	09 Huyện, thị xã, thành phố	3.169.765	867.605	693.510	1.099.731	21,9%	34,7%
1	UBND tp. Thủ Dầu Một	591.239	45.323	57.851	76.486	9,8%	12,9%
2	UBND tx. Thuận An	554.023	81.556	101.758	134.816	18,4%	24,3%
3	UBND tx. Dĩ An	548.568	162.494	138.600	182.557	25,3%	33,3%
4	UBND tx. Tân Uyên	349.688	110.917	92.056	123.811	26,3%	35,4%
5	UBND huyện Bắc Tân Uyên	281.402	112.697	92.851	153.708	33,0%	54,6%
6	UBND tx. Bến Cát	221.196	75.193	39.993	97.328	18,1%	44,0%
7	UBND huyện Bàu Bàng	222.387	83.166	79.895	124.466	35,9%	56,0%
8	UBND huyện Phú Giáo	211.534	124.490	50.880	136.244	24,1%	64,4%
9	UBND huyện Dầu Tiếng	189.728	71.769	39.626	70.315	20,9%	37,1%
B	Chủ đầu tư các Sở, ban, ngành	4.330.235	727.829	307.275	884.625	7,1%	20,4%
I	Kế hoạch vốn trên 200 tỷ đồng	4.059.515	597.097	303.515	814.140	7,5%	20,1%
10	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	2.792.320	418.259	244.287	644.584	8,7%	23,1%
11	Công an tỉnh	236.400	101.826	6.458	66.143	2,7%	28,0%
12	Sở Nông nghiệp PTNT	236.650	-	26.456	26.401	11,2%	11,2%
13	Ban quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	794.145	77.012	26.314	77.012	3,3%	9,7%
II	Kế hoạch vốn từ 50 đến 200 tỷ đồng	163.550	106.964	1.364	40.012	0,8%	24,5%
14	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	109.100	48.537	742	38.631	0,7%	35,4%
15	Đài Phát thanh truyền hình	54.450	58.427	622	1.381	1,1%	2,5%
III	Kế hoạch vốn từ 10 đến 50 tỷ đồng	85.918	14.363	1.792	19.867	2,1%	23,1%
16	Bệnh viện đa khoa	16.818	14.026	1.444	13.067	8,6%	77,7%
17	Sở Văn Hóa TT - DL	44.500	337	337	6.800	0,8%	15,3%
18	Sở Xây dựng	14.600	-	-	-	0,0%	0,0%
19	Liên đoàn lao động tỉnh	10.000	-	11	-	0,1%	0,0%
IV	Kế hoạch vốn dưới 10 tỷ đồng	21.252	9.405	604	10.607	2,8%	49,9%
20	Trung tâm đầu tư khai thác nước sạch nông thôn	3.980	3.488	265	3.612	6,7%	90,7%
21	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	7.000	1.112	245	1.993	3,5%	28,5%
22	Báo Bình Dương	81	421	-	-	0,0%	0,0%
23	Sở Khoa học và Công nghệ	1.850	-	-	-	0,0%	0,0%
24	BV y học cổ truyền	994	221	-	515	0,0%	51,8%
25	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.400	1.056	-	1.056	0,0%	75,4%
26	Sở Tài nguyên và Môi trường	3.570	2.557	-	2.557	0,0%	71,6%
27	Sở Thông tin truyền thông	151	18	-	120	0,0%	79,5%
28	Sở Nội vụ	500	-	-	-	0,0%	0,0%
29	TT kiểm nghiệm	820	438	-	660	0,0%	80,5%
30	BV phục hồi chức năng	406	94	94	94	23,2%	23,2%
31	Văn phòng Tỉnh ủy	500	-	-	-	0,0%	0,0%

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG NĂM 2019
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
DANH MỤC CÔNG TRÌNH TRONG ĐIỂM

(Kèm theo Báo cáo số 178 /BC-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

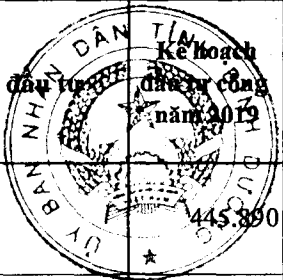
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công năm 2019	Ước tình hình thực hiện đến 31/5/2019		Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 30/6	Tỷ lệ % đến 31/5		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Kế hoạch điều chỉnh ĐTC năm 2019
				KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KL/KH	GN/KH		
	TỔNG CỘNG		4.159.008	589.945	377.275	852.246	14,2%	9,1%	20,5%	5.670.278
	VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG		3.229.868	397.694	255.768	580.622	12,3%	7,9%	18,0%	4.620.357
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		12.790	125	233	299	1,0%	1,8%	2,3%	206.495
A	HẠ TẦNG KINH TẾ		7.790	57	164	230	0,7%	2,1%	3,0%	201.495
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		7.790	57	164	230	0,7%	2,1%	3,0%	201.495
1	Tuyến đường trục chính Đông Tây: đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp Quốc Lộ 1K (khoảng 3.640m)	UBND thị xã Dĩ An	1.400	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	61.000
2	Tuyến đường vành đai Đông Bắc 2: đoạn từ trục chính Đông Tây (khu vực giữa khu dân cư Bình Nguyên và Trường Cao đẳng nghề Đồng An) đến giáp đường Mỹ Phước - Tân Vạn (khoảng 1.600m)	UBND thị xã Dĩ An	500	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	50.500
3	Đường Đất Cuốc đi Thới Hòa - An Điền (trùng tuyến đường Vành đai 4)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.495	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	1.495
4	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 2: Xây dựng cầu vượt sông Đồng Nai	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	3.000	57	164	164	1,9%	5,5%	5,5%	4.500
5	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.395	0	0	66	0,0%	0,0%	4,7%	84.000
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI		5.000	68	69	69	1,4%	1,4%	1,4%	5.000
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		5.000	68	69	69	1,4%	1,4%	1,4%	5.000
6	Thiết bị Bệnh viện đa khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	5.000	68	69	69	1,4%	1,4%	1,4%	5.000
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		3.217.078	397.569	255.535	580.323	12,4%	7,9%	18,0%	4.413.862

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công năm 2019	Ước tính hình thực hiện đến 31/5/2019		Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 30/6	Tỷ lệ % đến 31/5		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Kế hoạch điều chỉnh ĐTC năm 2019
				KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KL/KH	GN/KH		
A	HẠ TẦNG KINH TẾ		2.335.225	285.086	207.476	494.203	12,2%	8,9%	21,2%	3.241.965
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		1.186.065	227.111	150.553	410.327	19,1%	12,7%	34,6%	2.001.817
7	Dự án đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài	UBND thị xã Dĩ An	11.040	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	28.040
8	Dự án xây dựng đường Bắc Nam 3	UBND thị xã Dĩ An	15.770	1.213	1.213	1.213	7,7%	7,7%	7,7%	80.770
9	Đường Bạch Đằng nối dài, Tp.Thủ Dầu Một	UBND Thành phố Thủ Dầu Một	82.165	12.100	11.422	12.100	14,7%	13,9%	14,7%	102.165
10	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh	UBND huyện Tân Uyên	0	0	0	0				3.000
11	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 1	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	800	318	318	318	39,8%	39,8%	39,8%	1.900
12	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 2	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	47.500	6.137	1.197	3.079	12,9%	2,5%	6,5%	197.500
13	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình đường Mỹ Phước - Tân Vạn	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	4.580	24	0	0	0,5%	0,0%	0,0%	4.580
14	Giao lộ ngã tư Phú Thứ Bến Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	800	5.300	0	5.300	662,5%	0,0%	662,5%	4.000
15	Xây dựng đường nối từ cầu Thới An đến ĐT748	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	200	100	0	100	50,0%	0,0%	50,0%	200
16	Đường ĐT744 đoạn từ Km12+000 đến Km32+000	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	70.000	61.234	42.536	61.234	87,5%	60,8%	87,5%	86.235
17	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa (ranh thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Cổng Xanh (giáp đường ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	56.340	5.000	0	6.000	8,9%	0,0%	10,6%	56.340
18	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Muộn đi ngã ba Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	40.000	4.470	3.470	4.470	11,2%	8,7%	11,2%	40.000
19	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	20.000	37.655	0	30.481	188,3%	0,0%	152,4%	80.485

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công năm 2019	Ước tình hình thực hiện đến 31/5/2019		Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 30/6	Tỷ lệ % đến 31/5		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Kế hoạch điều chỉnh ĐTC năm 2019
				KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KL/KH	GN/KH		
20	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, cải tạo các nút giao lộ Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm giao cầu Phú Long đến nút giao ngã tư Hòa Lân)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh		0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	245
21	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	200.000	19.000	0	121.000	9,5%	0,0%	60,5%	502.305
22	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, dự án trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	512.500	72.024	89.953	161.953	14,1%	17,6%	31,6%	644.712
23	Xây dựng đường Thủ Biên - Đất Cuốc với quy mô 4 làn xe (GD 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	123.340	2.512	444	3.079	2,0%	0,4%	2,5%	123.340
24	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	785	24	0	0	3,1%	0,0%	0,0%	46.000
II	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		1.149.160	57.975	56.923	83.876	5,0%	5,0%	7,3%	1.240.148
25	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	Ban quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	410.615	8.600	500	8.600	2,1%	0,1%	2,1%	410.615
26	Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng		2.000	2.000	0	2.000	100,0%	0,0%	100,0%	2.000
27	Trục thoát nước Suối Giữa, thành phố Thủ Dầu Một	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	2.795	2.500	0	2.200	89,4%	0,0%	78,7%	3.579
28	Trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	187.350	13.400	4.773	13.200	7,2%	2,5%	7,0%	187.350
29	Hệ thống thoát nước Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	200.000	0	20.773	20.773	0,0%	10,4%	10,4%	350.000
30	Trục thoát nước Chòm Sao - Suối Đền	Sở Nông nghiệp và PTNT	31.400	0	5.628	5.628	0,0%	17,9%	17,9%	31.400
31	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực thị xã Dĩ An	Ban quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	315.000	31.475	25.249	31.475	10,0%	8,0%	10,0%	255.204
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI		881.853	112.483	48.059	86.120	12,8%	5,4%	9,8%	1.171.897
1	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		679.519	52.720	47.048	83.767	7,8%	6,9%	12,3%	961.781

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công năm 2019	Ước tính hình thức hiện đến 31/5/2019		Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 30/6	Tỷ lệ % đến 31/5		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Kế hoạch điều chỉnh ĐTC năm 2019
				KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KL/KH	GN/KH		
32	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	97.000	29.667	25.163	44.962	30,6%	25,9%	46,4%	97.000
33	Xây dựng khối kỹ thuật trung tâm và nhà quản (thuộc khu quy hoạch chi tiết 1/500 bệnh viện đa khoa 1500 giường và ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	234.150	3.148	14	2.750	1,3%	0,0%	1,2%	234.150
34	Bệnh viện đa khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	214.162	0	16.147	16.147	0,0%	7,5%	7,5%	496.424
35	Các trục giao thông chính thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của Nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	97.000	19.900	5.724	19.900	20,5%	5,9%	20,5%	97.000
36	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	1.000
37	Trạm xử lý nước thải cho các bệnh viện thuộc khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	36.207	6	0	8	0,0%	0,0%	0,0%	36.207
II	SỰ NGHIỆP PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH		50.232	58.769	67	1.409	117,0%	0,1%	2,8%	57.416
38	Đầu tư thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình Trường quay - Nhà bá âm	Đài Phát thanh truyền hình	50.000	57.719	0	359	115,4%	0,0%	0,7%	53.636
39	Trường quay- nhà bá âm FM Đài phát thanh truyền hình Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	232	1.050	67	1.050	452,6%	28,9%	452,6%	3.780
III	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN		152.000	892	842	842	0,6%	0,6%	0,6%	152.000
40	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm chiến khu Đ	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	152.000	892	842	842	0,6%	0,6%	0,6%	152.000
IV	CÁC KHOẢN CHI KHÁC THEO QUY ĐỊNH		102	102	102	102	100,0%	100,0%	100,0%	700
41	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư liên kế-phường Định Hòa	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	102	102	102	102	100,0%	100,0%	100,0%	700
	VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT		895.312	188.207	121.216	271.333	21,0%	13,5%	30,3%	934.122
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		895.312	188.207	121.216	271.333	21,0%	13,5%	30,3%	934.122
I	GIÁO DỤC		445.890	88.766	66.007	119.811	19,9%	14,8%	26,9%	408.758

STT	Danh mục	Chủ đầu tư		Ước tình hình thực hiện đến 31/5/2019		Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 30/6	Tỷ lệ % đến 31/5		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Kế hoạch điều chỉnh ĐTC năm 2019
				KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KL/KH	GN/KH		
42	81 công trình trường học mầm non, phổ thông các cấp (không bao gồm danh mục xã hội hoá)-(nguồn vốn xổ số)		445.890	88.766	66.007	119.811	19,9%	14,8%	26,9%	408.758
II	Y TẾ		449.422	99.441	55.209	151.522	22,1%	12,3%	33,7%	525.364
43	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	379.422	81.794	37.562	110.739	21,6%	9,9%	29,2%	451.364
44	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng - quy mô 100 giường bệnh - Nguồn XSKT	UBND huyện Bàu Bàng	70.000	17.647	17.647	40.783	25,2%	25,2%	58,3%	74.000
	VỐN TỈNH HỖ TRỢ CẤP HUYỆN		33.828	4.044	291	291	12,0%	0,9%	0,9%	115.799
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		30.900	2.044	291	291	6,6%	0,9%	0,9%	34.960
I	Y TẾ		30.900	2.044	291	291	6,6%	0,9%	0,9%	34.960
45	Trung tâm y tế huyện Bắc Tân Uyên quy mô 100 giường; Giai đoạn 1: 60 giường	UBND huyện Bắc Tân Uyên	30.900	2.044	291	291	6,6%	0,9%	0,9%	34.960
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		2.928	2.000	0	0	68,3%	0,0%	0,0%	80.839
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		1.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	78.839
46	Đường Lê Chí Dân, phường Hiệp An	UBND Tp.Thủ Dầu Một	1.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	78.839
II	GIÁO DỤC		0	2.000	0	0				500
47	81 công trình trường học mầm non, phổ thông các cấp (không bao gồm danh mục xã hội hoá)-(nguồn vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện)			2.000						500
III	VĂN HÓA - THÔNG TIN		1.928	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	1.500
48	Nhà tang lễ thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp.Thủ Dầu Một	1.928	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	1.500

Phụ lục V

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TÁC THÁNG NĂM 2019
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TÁC NĂM 2019
CÁC DỰ ÁN ĐỀN BÙ, GIẢI PHÓNG MẶT TRĂNG

(Kèm theo Báo cáo số 178/BC-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch 2019	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/5/2019		Ước Khối lượng nghiệm thu đến 30/6/2019	Tỷ lệ % đến 31/5		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Kế hoạch điều chỉnh 2019
			Khối lượng thực hiện	Giải ngân		KL/KH	GN/KH		
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	867.110	128.727	89.953	313.434	14,8%	10,4%	36,1%	1.425.837
A	HẠ TẦNG KINH TẾ (A=I+II+III+IV)	866.110	128.727	89.953	313.434	14,9%	10,4%	36,2%	1.424.837
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	738.110	128.727	89.953	313.434	17,4%	12,2%	42,5%	1.296.837
1	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 (giai đoạn 2018 - 2021)	245	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	245
2	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, dự án trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên	512.500	72.024	89.953	161.953	14,1%	17,6%	31,6%	644.712
3	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài về hướng khu công nghiệp Mỹ Phước II và III	0	0	0	0				15.510
4	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	200.000	19.000	0	121.000	9,5%	0,0%	60,5%	502.305
5	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	20.000	37.655	0	30.481	188,3%	0,0%	152,4%	80.485
6	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình đường Mỹ Phước - Tân Vạn	4.580	24	0	0	0,5%	0,0%	0,0%	4.580
7	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	785	24	0	0	3,1%	0,0%	0,0%	46.000
8	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh	0	0	0	0				3.000
II	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	128.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	128.000
9	Đền bù mở rộng suối Lò Ô thuộc dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	128.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	128.000
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI	1.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	1.000
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	1.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	1.000
10	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	1.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	1.000

PHỤ LỤC VI
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN Kéo DÀI THỜI GIẠN GIẢI NGÂN TỪ NĂM 2018 ĐẾN NĂM 2019
 (Kèm theo Báo cáo số 178 /BC-UBND ngày 01 tháng 1 năm 2019 của UBND tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Vốn kéo dài 2018 sang 2019	Tình hình thực hiện đến 31/5/2019		Tỷ lệ %	Ghi chú
				Khối lượng thực hiện	Giải ngân	GN/KH 31/5	
	TỔNG CỘNG		235.090	5.212	46.763	20%	
I	Vốn ngân sách tỉnh tập trung		235.090	5.212	46.763	20%	
1	Thực hiện dự án		235.090	5.212	46.763	20%	
a	Hạ tầng kinh tế		230.520	5.212	46.763	20%	
	Dự án chuyển tiếp		230.520	5.212	46.763	20%	
1	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình đường Mỹ Phước- Tân Vạn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	40.000	4.057	4.057	10%	
2	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)		40.000	1.155	1.155	3%	
3	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)		100.000			0%	
4	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc		50.520	41.551	41.551	82%	
b	Hạ tầng văn hóa - xã hội		4.570	-	-	0%	
	Dự án chuyển tiếp		4.570	-	-	0%	
5	Dự án đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT cho tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh	Sở TTĐT	1.000			0%	
6	Trùng tu, tôn tạo Di tích lịch sử Đình Phú Long	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	3.205			0%	
7	Xây dựng Trung tâm tích hợp Dữ liệu Tỉnh ủy và phần mềm đặc thù cho các cơ quan đảng tỉnh Bình Dương	Văn phòng Tỉnh ủy	365			0%	

Số: 48 /TTr-SKHĐT

Bình Dương, ngày 27 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH

**Về việc chuẩn bị nội dung trình kỳ họp thứ 10
Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX.**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 1645/UBND-TH ngày 17/4/2019 về việc chuẩn bị kỳ họp thường lệ giữa năm 2019 – HĐND tỉnh khóa IX,

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã dự thảo các nội dung của UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 10, bao gồm:

1. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm, phương án điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2019;

2. Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2019;

3. Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 (lần 2).

4. Báo cáo của UBND tỉnh về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2020 (nội dung đăng ký bổ sung).

(Có dự thảo kèm theo)

Kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định./. *HL*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ban Giám đốc;
- Lưu TH, VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Trúc

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm;
Nhiệm vụ, giải pháp 06 tháng cuối năm.
Phương án điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2019.**

Thực hiện chương trình công tác năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tình hình thực hiện Kế hoạch (KH) đầu tư công 06 tháng đầu năm 2019; nhiệm vụ, giải pháp 06 tháng cuối năm và phương án điều chỉnh Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2019, cụ thể như sau:

I. Kết quả thực hiện và giải ngân KH đầu tư công 06 tháng đầu năm 2019:

Tổng vốn KH đầu tư công năm 2019 (kể cả vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) là 7.821 tỷ 313 triệu đồng.

Tổng khối lượng thực hiện đến 31/05 là 2.942 tỷ 001 triệu đồng, đạt 37,6%¹KH¹. Tổng giá trị giải ngân đến 31/05 là 2.287 tỷ 389 triệu đồng, đạt 29,2%²KH². Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/06 đạt 3.330 tỷ 800 triệu đồng, đạt 42,6%KH. Trong đó:

1. Vốn ngân sách Trung ương:

Tổng vốn ngân sách Trung ương là 321 tỷ 313 triệu đồng, chiếm 4,1% KH đầu tư công năm 2019, bao gồm: vốn nước ngoài (ODA) là 286 tỷ 423 triệu đồng, vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu 34 tỷ 890 triệu đồng.

Tổng khối lượng thực hiện đến 31/05 là 153 tỷ 367 triệu đồng, đạt 47,7%KH. Giải ngân đến 31/05 là 93 tỷ 404 triệu đồng, đạt 29,1%KH (trong đó vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu đã giải ngân đạt 100% kế hoạch). Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/06 đạt 153 tỷ 367 triệu đồng, đạt 47,7%KH.

2. Vốn ngân sách địa phương:

Tổng vốn ngân sách địa phương là 7.500 tỷ đồng, chiếm 95,9% KH đầu tư công năm 2019.

Tổng khối lượng thực hiện đến 31/05 là 2.788 tỷ 634 triệu đồng, đạt 37,2%KH. Giải ngân đến 31/05 là 2.193 tỷ 985 triệu đồng, đạt 29,3%KH (đã bao gồm 1.193 tỷ 200 triệu đồng giải ngân theo cơ chế bội chi ngân sách địa phương). Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/06 đạt 3.177 tỷ 433 triệu đồng, đạt 42,4%KH, cụ thể theo từng cấp, từng ngành, lĩnh vực như sau:

¹ Giá trị khối lượng thực hiện đến 31/05/2019 và Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/06/2019 được tổng hợp trên cơ sở báo cáo của 24/31 chủ đầu tư (07 CĐT chưa có BC chính thức).

² Giải ngân đến 31/05/2019 tổng hợp trên cơ sở báo cáo giải ngân chi tiết của Kho bạc nhà nước tỉnh cùng kỳ năm 2018 đạt 14,8%KH.

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Tình hình thực hiện đến 31/5/2019		Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/6
				Khối lượng thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)	
	TỔNG CỘNG (A+B)	328	7.821.313	2.942.001	2.287.389	3.330.800
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (I+II)	3	321.313	153.367	93.404	153.367
I	VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)	2	286.423	118.477	58.514	118.477
II	VỐN TRONG NƯỚC	1	34.890	34.890	34.890	34.890
B	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III)	325	7.500.000	2.788.634	2.193.985	3.177.433
I	VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (1+2+3)	325	6.170.000	1.118.024	648.389	1.424.093
1	Vốn ngân sách tỉnh tập trung (1.1+1.2)	168	4.208.000	712.432	339.067	847.322
1.1	Chuẩn bị đầu tư (a+b+c)	71	68.315	4.870	1.599	6.352
1.2	Thực hiện dự án (a+b+c)	97	4.139.685	707.562	337.469	840.970
a	Hạ tầng kinh tế	43	2.756.485	421.826	277.347	621.936
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	38	991.200	132.308	52.523	111.195
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	16	392.000	153.428	7.599	107.839
2	Vốn xố số kiến thiết (a+b)	95	1.405.000	282.648	208.712	417.291
a	Cấp tỉnh làm chủ đầu tư	5	433.310	86.622	41.302	115.647
b	Cấp huyện làm chủ đầu tư	90	971.690	196.026	167.410	301.644
3	Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện	62	557.000	122.944	100.610	159.480
II	VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	0	1.330.000	477.410	352.396	560.140
III	VỐN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			1.193.200	1.193.200	1.193.200

(Chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo)

a) **Tình hình thực hiện các chủ đầu tư:** KH năm 2019 vốn ngân sách địa phương bố trí cho 31 chủ đầu tư với 325 dự án với tổng vốn bố trí là 7.500 tỷ đồng, cụ thể:

- **UBND 9 huyện, thị xã, thành phố:**

Tổng vốn bố trí 3.169 tỷ 765 triệu đồng, chiếm 42,3% ngân sách địa phương. Khối lượng thực hiện đến ngày 31/05/2019 là 867 tỷ 605 triệu đồng, giá trị giải ngân là 693 tỷ 510 triệu đồng, đạt 21,9%KH³. Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/06/2019 đạt 1.099 tỷ 731 triệu đồng, đạt 34,7%KH⁴.

- **Các Sở, ban ngành có kế hoạch vốn trên 200 tỷ đồng:**

Bao gồm 4 chủ đầu tư được bố trí 4.059 tỷ 515 triệu đồng, chiếm 54,1% vốn ngân sách địa phương. Khối lượng thực hiện đến ngày 31/05/2019 là 597 tỷ 097 triệu đồng, giá trị giải ngân là 303 tỷ 515 triệu đồng, đạt 7,5%KH⁵. Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/06/2019 đạt 814 tỷ 140 triệu đồng, đạt 20,1%KH.

- **Các Sở, ban ngành có kế hoạch vốn từ 50 tỷ đến 200 tỷ đồng:**

³ Giải ngân đến 31/05/2019 tổng hợp trên cơ sở báo cáo giải ngân chi tiết của Kho bạc nhà nước tỉnh.

⁴ Trong đó có 02 huyện giải ngân đạt cao hơn mức chung của tỉnh là huyện Bàu Bàng (35,9%) và Bắc Tân Uyên (33%). Một số huyện, thị, thành phố giải ngân đạt thấp dưới 20%KH như: Tp. Thủ Dầu Một (9,8%), Tx Bến Cát (18,1%), Tx Thuận An (18,4%).

⁵ Các chủ đầu tư đều giải ngân thấp: Công an tỉnh (2,7%), BQLDA chuyên ngành nước thải (3,3%), Ban QLDA ĐTXD tỉnh (8,7%), Sở NN&PTNT (11,2%).

Bao gồm 02 chủ đầu tư được bố trí 163 tỷ 550 triệu đồng, chiếm 2,2% vốn ngân sách địa phương. Khối lượng thực hiện đến ngày 31/05/2019 là 106 tỷ 964 triệu đồng, giá trị giải ngân là 1 tỷ 364 triệu đồng, đạt 0,8%KH⁶. Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/06/2019 đạt 40 tỷ 012 triệu đồng, đạt 24,5%KH.

• **Các Sở, ban ngành có kế hoạch vốn từ 10 tỷ đến 50 tỷ đồng:**

Bao gồm 04 chủ đầu tư được bố trí 85 tỷ 918 triệu đồng, chiếm 1,1% vốn ngân sách địa phương. Khối lượng thực hiện đến ngày 31/05/2019 là 14 tỷ 363 triệu đồng, giá trị giải ngân là 1 tỷ 792 triệu đồng, đạt 2,1%KH⁷. Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/06/2019 đạt 19 tỷ 867 triệu đồng, đạt 23,1%KH.

• **Các Sở, ban ngành có kế hoạch vốn dưới 10 tỷ đồng:**

Bao gồm 12 chủ đầu tư được bố trí 21 tỷ 252 triệu đồng, chiếm 0,3% vốn ngân sách địa phương. Khối lượng thực hiện đến ngày 31/05/2019 là 9 tỷ 405 triệu đồng, giá trị giải ngân là 604 triệu đồng, đạt 2,8%KH⁸. Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/06/2019 đạt 10 tỷ 607 triệu đồng, đạt 49,9%KH.

(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)

b) Tình hình thực hiện các công trình trọng điểm theo Chương trình 23-CTr/TU ngày 16/8/2016 của Tỉnh ủy:

KH năm 2019 bố trí cho 48 dự án với tổng vốn bố trí là 4.159 tỷ 008 triệu đồng, chiếm 55,5% tổng vốn ngân sách địa phương.

Khối lượng thực hiện đến ngày 31/05/2019 là 589 tỷ 945 triệu đồng, đạt 14,2%KH, giá trị giải ngân đến 31/05 là 377 tỷ 275 triệu đồng, đạt 9,1%KH⁹. Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/06/2019 đạt 852 tỷ 246 triệu đồng, đạt 20,5%KH. Trong đó 21 danh mục dự án chưa giải ngân.

(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)

c) Tình hình thực hiện các dự án giải tỏa đền bù:

KH năm 2019 bố trí 10 dự án đền bù, giải phóng mặt bằng với tổng vốn bố trí là 867 tỷ 110 triệu đồng, chiếm 11,6% tổng vốn ngân sách địa phương.

Khối lượng thực hiện đến ngày 31/05/2019 là 128 tỷ 727 triệu đồng, đạt 14,8%KH, giá trị giải ngân đạt 89 tỷ 953 triệu đồng, đạt 10,4%KH. Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến ngày 30/06/2019 đạt 313 tỷ 434 triệu đồng, đạt 36,1%KH. Trong đó 09 dự án chưa giải ngân.

(Chi tiết tại phụ lục V kèm theo)

d) Tình hình thực hiện các dự án kéo dài thời gian giải ngân sang năm 2019: Có tổng số 7 dự án được bố trí KH đầu tư công năm 2018 kéo dài thời gian giải ngân sang năm 2019 với tổng vốn kéo dài là 235 tỷ 090 triệu đồng, giá trị giải ngân đến ngày 31/05/2019 là 46 tỷ 763 triệu đồng, đạt 20%KH. Trong đó 04 dự án chưa giải ngân.

⁶ Các chủ đầu tư đều giải ngân thấp: Bộ CHQS (0,7%), Đài PTTT (1,1%).

⁷ Các chủ đầu tư đều giải ngân thấp: SXD (0%), L&L&L (0,1%), Sở VH&TDL (0,8%), BV&K (8,6%).

⁸ Có 03 CĐT giải ngân thấp: BV PHCN (23,2%), Trung tâm nước sạch (6,7%), Sở LĐ&TBXH (3,5%), và 09 chủ đầu tư chưa giải ngân.

⁹ Giải ngân đến 31/05/2019 tổng hợp trên cơ sở báo cáo giải ngân chi tiết của Kho bạc nhà nước tỉnh.

(Chi tiết tại phụ lục VI kèm theo)

3. Nhận xét chung những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

a) Nhận xét chung:

- Tỷ lệ giải ngân chung toàn tỉnh tuy đạt khá so với cùng kỳ năm 2018 và tỷ lệ giải ngân chung của cả nước (đạt 26,4%¹⁰) nhưng vẫn đạt thấp so với mục tiêu đến 30/06/2019 đạt 50% kế hoạch; nếu loại trừ 1.193 tỷ 200 triệu đồng vốn bồi chi ngân sách địa phương thì tỷ lệ giải ngân của ngân sách địa phương đạt thấp.

- Theo số liệu tổng hợp từ các chủ đầu tư thì ước đến 30/6 chỉ có 10/31 chủ đầu tư giải ngân đạt trên 50%KH.

- Các công trình trọng điểm và đền bù, giải phóng mặt bằng tiến độ thực hiện và giải ngân chậm, kế hoạch vốn bố trí cho các dự án này chiếm phần lớn (67,1%) vốn ngân sách địa phương nhưng tỷ lệ giải ngân thấp hơn tỷ lệ chung cả tỉnh.

- Các dự án chuẩn bị đầu tư tiến độ thực hiện và giải ngân chậm, chỉ đạt 2,3%KH.

b) Nguyên nhân giải ngân Kế hoạch đầu tư công 06 tháng đạt thấp:

- Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, kéo dài cụ thể:

+ Trình tự, thủ tục giải tỏa, đền bù dự án phức tạp, làm kéo dài thời gian dẫn đến công trình chậm triển khai thi công.

+ Một số dự án đền bù đã phê duyệt phương án bồi thường nhưng đến nay không còn phù hợp phải điều chỉnh, phê duyệt lại đơn giá bồi thường dẫn đến kéo dài thời gian và chưa chi trả được tiền đền bù cho người dân.

+ Một số dự án chậm bàn giao mặt bằng do người dân không đồng thuận với đơn giá đền bù dẫn đến việc triển khai thực hiện dự án chậm so với tiến độ được phê duyệt và so với KH vốn được giao.

+ Công tác phối hợp giữa chủ đầu tư và cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện công tác giải tỏa, đền bù còn nhiều hạn chế, chưa linh hoạt.

- Các dự án chuẩn bị đầu tư tiến độ thực hiện và giải ngân chậm do trình tự thủ tục phải qua nhiều bước, việc thẩm định và phê duyệt dự toán vốn chuẩn bị đầu tư còn nhiều khó khăn, vướng mắc làm kéo dài khâu chuẩn bị đầu tư.

- Một số dự án mới lựa chọn nhà thầu và tạm ứng hợp đồng trong quý IV/2018, do đó khối lượng thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2019 phải hoàn ứng một phần cho KH đã tạm ứng năm 2018 nên giá trị giải ngân 6 tháng đầu năm 2019 chưa cao.

-- Một vài dự án đang đấu thầu hoặc đã có kết quả lựa chọn nhà thầu nhưng bị khiếu kiện dẫn đến chậm ký kết hợp đồng và tạm ứng cho nhà thầu¹¹.

¹⁰ Theo KBNN TW đến 31/05/2019 tỷ lệ giải ngân cả nước đạt 23,25% KH Quốc hội giao và 26,39% KH TTCP giao.

¹¹ Kiến nghị HSMT gói thầu xây lắp Nâng cấp đường ĐH516, Kiến nghị HSDT gói thầu xây lắp thuộc dự án lắp đặt đèn chiếu sáng đường Trần Phú, đường Bàu Rong, đường Bàu Sen, đường Nguyễn Thị Minh Khai, đường Văn Công Khai, ĐT750, ĐT748, ĐH703, ĐH704.

- Các dự án có khối lượng thực hiện đủ điều kiện giải ngân, tuy nhiên kế hoạch năm 2019 bố trí vượt kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết 10/NQ-HĐND nên không giải ngân được.

- Các Chủ đầu tư chưa tập trung, quyết liệt trong việc xây dựng nhu cầu kế hoạch vốn và theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo các khâu từ chuẩn bị đầu tư đến đấu thầu triển khai thực hiện dự án dẫn đến một số hồ sơ dự án trình thẩm định kém chất lượng, phải trả lại; một số dự án phát sinh hạng mục, thay đổi đơn giá đền bù phải điều chỉnh dự án, điều chỉnh thiết kế làm cho quá trình chuẩn bị đầu tư mất nhiều thời gian.

- Phối hợp giữa Chủ đầu tư với các Sở, ngành chưa kịp thời, các Chủ đầu tư chưa chủ động báo cáo những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị cấp thẩm quyền giải quyết kịp thời.

II. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 06 tháng cuối năm 2019:

1. Nhiệm vụ:

- Nghiêm túc quán triệt và triển khai thực hiện các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đôn đốc tập trung thực hiện và giải ngân KH đầu tư công năm 2019; phấn đấu thực hiện và giải ngân KH đầu tư công năm 2019 đạt KH đề ra.

- Kịp thời triển khai Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 đến các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện thị, thành phố và các chủ đầu tư; tổng hợp nhu cầu và xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2020 thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Tập trung xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh làm cơ sở báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

- Đẩy nhanh thực hiện và giải ngân vốn các công trình quan trọng, trọng điểm của tỉnh; các dự án đền bù, giải phóng mặt bằng để bàn giao mặt bằng thi công, góp phần giải ngân đạt kế hoạch đề ra.

- Chủ đầu tư đôn đốc nhà thầu tập trung hoàn thiện các thủ tục nghiệm thu, thanh toán vốn, không để dồn khối lượng vào cuối năm đặc biệt là các công trình có khối lượng đền bù, giải tỏa lớn; thực hiện các thủ tục hoàn trả tạm ứng theo quy định. Kho bạc nhà nước thanh toán cho các dự án khi có đủ điều kiện giải ngân, phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư xử lý các vướng mắc phát sinh, rút ngắn thời gian kiểm soát chi.

- Các Chủ đầu tư chủ động, kịp thời báo cáo UBND tỉnh, các sở, ngành và các cơ quan có liên quan để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để kịp thời tháo gỡ.

- Rà soát danh mục các công trình đang thực hiện thủ tục quyết toán, đã được phê duyệt quyết toán để đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện đảm bảo thời gian quy định các dự án.

2. Một số giải pháp cụ thể:

- Trình HĐND tỉnh thông qua các nội dung điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 lần 2 và điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2019 phù hợp theo khả năng cân đối nguồn vốn và tình hình triển khai thực hiện dự án để tạo cơ sở cho các chủ đầu tư thực hiện và giải ngân theo kế hoạch.

- Rà soát tình hình thực hiện và khả năng giải ngân đối với các dự án đến 30/6/2019 giải ngân dưới 50% để xem xét, có phương án xử lý.

- Sở Tài chính phối hợp với Kho Bạc nhà nước tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các chủ đầu tư có dự án hoàn thành nghiêm túc thực hiện công tác quyết toán theo quy định.

- Sở Xây dựng nghiên cứu tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho chủ đầu tư phê duyệt dự toán vốn chuẩn bị đầu tư đối với các dự án đầu tư công để tạo điều kiện rút ngắn thời gian chuẩn bị đầu tư của dự án.

- Các ban quản lý dự án khu vực, ban quản lý dự án chuyên ngành nâng cao trách nhiệm trong công tác lựa chọn đơn vị tư vấn lập dự án, cũng như lựa chọn các giám đốc quản lý dự án có năng lực chuyên môn, trách nhiệm cao nhằm tránh tình trạng chất lượng dự án kém, phải chỉnh sửa, thẩm định, bổ sung hạng mục nhiều lần.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các chủ đầu tư để kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án và nhất là trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các dự án theo quy định nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, tránh thất thoát, lãng phí nguồn vốn đầu tư công.

III. Phương án điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2019:

1. Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch:

a. Đảm bảo các nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm theo quy định tại điều 54 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

b. Bổ sung, cập nhật các nguồn vốn theo kế hoạch Trung ương giao hàng năm và khả năng huy động thực tế của địa phương vào kế hoạch đầu tư công năm 2019.

c. Điều chỉnh giảm vốn đã bố trí của một số dự án có tiến độ triển khai chậm hoặc sau khi rà soát xác định dư vốn (do tiết giảm vốn đối ứng qua đấu thầu, ngưng chuẩn bị đầu tư, giảm trừ thanh quyết toán...). Đồng thời điều chỉnh tăng vốn cho các dự án có tiến độ nhanh và nhu cầu tăng vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện trong năm 2019. Tập trung vốn cho các công trình trọng điểm, các dự án đền bù giải phóng mặt bằng và các công trình có khả năng hoàn thành trong năm.

d. Bổ sung một số danh mục để chuẩn bị đầu tư, một số dự án quan trọng, cấp bách phát sinh trong quá trình điều hành phát triển kinh tế - xã hội, các dự án đã có chủ trương thống nhất của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; bố trí vốn thực hiện dự án từ các nguồn vốn kết dư, dự phòng, bổ sung theo Nghị định 120/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ.

e. Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện (vốn cấp huyện quản lý) bố trí cho các dự án đã đảm bảo thủ tục đầu tư và có khả năng giải ngân để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và một số công trình để khởi công, khánh thành chào mừng Đại hội đảng bộ cấp huyện nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Nội dung điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2019:

a. Về nguồn vốn điều chỉnh:

Qua rà soát khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương, dự kiến tổng nguồn vốn KH điều chỉnh đầu tư công năm 2019 là **12.139 tỷ 462 triệu đồng, tăng 4.318 tỷ 149 triệu đồng** so với đầu năm. Cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2019	KHĐC năm 2019	Tăng/giảm
	TỔNG SỐ	7.821.313	12.139.462	4.318.149
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	321.313	321.313	0
1	Vốn nước ngoài (ODA)	286.423	286.423	0
2	Vốn trong nước	34.890	34.890	0
II	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.500.000	11.818.149	4.318.149
1	Vốn đầu tư theo tiêu chí định mức	4.713.912	4.713.912	0
2	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	1.381.088	1.381.088	0
3	Vốn xổ số kiến thiết	1.405.000	1.405.000	0
4	Vốn kết dư đầu tư công năm 2017-2018	0	1.047.252	1.047.252
5	Vốn cải cách tiền lương kết dư năm 2018	0	487.500	487.500
6	Bội chi ngân sách địa phương	0	1.193.200	1.193.200
7	Nguồn vốn khác	0	1.590.197	1.590.197

Nguồn vốn tăng thêm so với kế hoạch đầu kỳ được cân đối từ các nguồn bổ sung sau:

- + Vốn kết dư đầu tư công năm 2017 và năm 2018: 1.047 tỷ 252 triệu đồng.
- + Vốn cải cách tiền lương kết dư năm 2018: 487 tỷ 500 triệu đồng.
- + Vốn bội chi ngân sách địa phương: 1.193 tỷ 200 triệu đồng.
- + Nguồn vốn khác: 1.590 tỷ 197 triệu đồng.

b. Phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019:

- Bố trí tăng vốn cho 144 dự án với tổng vốn tăng: 4.135 tỷ 332 triệu đồng.
- Bố trí giảm vốn cho 59 dự án với tổng vốn giảm: 354 tỷ 032 triệu đồng.
- Bổ sung danh mục 46 dự án với tổng vốn: 567 tỷ 434 triệu đồng.
- Ngưng bố trí 21 dự án với tổng vốn ngưng bố trí: 30.585 tỷ đồng.

c. Dự kiến phân bổ vốn theo ngành, lĩnh vực:.

Vốn ngân sách địa phương.

* *Vốn ngân sách cấp tỉnh*: 8.882 tỷ 449 triệu đồng, phân bổ cho 324 dự án (giảm 01 dự án so với đầu kỳ).

- Vốn tỉnh tập trung:

+ Hạ tầng kinh tế: 2.806 tỷ 500 triệu đồng (tăng 1.893 tỷ 082 triệu đồng), phân bổ 83 cho dự án (tăng 04 dự án).

+ Hạ tầng văn hóa – xã hội: 1.386 tỷ 755 đồng (tăng 390 tỷ 275 triệu đồng), phân bổ cho 51 dự án (tăng 03 dự án).

+ Quản lý nhà nước – Quốc phòng – An ninh: 443 tỷ 574 triệu đồng (tăng 38 tỷ 574 triệu đồng), phân bổ cho 35 dự án (giảm 06 dự án).

- **Vốn xổ số kiến thiết:** 1.619 tỷ 518 triệu đồng, phân bổ cho 98 dự án (tăng 03 dự án so với đầu kỳ).

- **Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện:** 733 tỷ đồng (tăng 176 tỷ đồng), phân bổ cho 57 dự án (giảm 05 dự án).

***Vốn ngân sách cấp huyện:** 1.742 tỷ 500 triệu đồng, bao gồm vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện là 412 tỷ 500 triệu đồng và vốn phân cấp theo tiêu chí là 1.330 tỷ đồng.

Vốn ngân sách Trung ương: Thực hiện theo danh mục và kế hoạch vốn cụ thể của Trung ương giao.

- **Vốn nước ngoài (ODA):** phân bổ cho 02 dự án với tổng số vốn bố trí là 286 tỷ 423 triệu đồng.

- **Vốn trong nước đầu tư theo các chương trình mục tiêu:** phân bổ cho 01 dự án thuộc lĩnh vực giao thông với tổng số vốn phân bổ là 34 tỷ 890 triệu.

(Chi tiết phân bổ danh mục tại các Phụ lục III đến X trong Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2019)

3. Kiến nghị:

- Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 với tổng vốn 12.139 tỷ 462 triệu đồng, tăng 4.318 tỷ 149 triệu đồng so với kế hoạch đầu năm.

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh trong quá điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hàng năm nếu có những danh mục dự án thay đổi, bổ sung so với kế hoạch đầu tư công trung hạn mà vẫn đảm bảo nguồn vốn cân đối thì chấp thuận cho điều chỉnh và giải ngân các danh mục đó và tổng hợp chung vào kỳ điều chỉnh trung hạn tổng thể tiếp theo để đảm bảo tính linh hoạt và chủ động trong điều hành kế hoạch đầu tư công hàng năm.

Trên đây là tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm, Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 06 tháng cuối năm 2019, và dự kiến kế hoạch điều chỉnh năm 2019 Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- CT và các PCT;
- Sở KHĐT, Sở TC;
- LĐVP (Lg), Thg, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG NĂM 2019

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Tình hình thực hiện đến 31/5/2019		Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/6	Tỷ lệ % đến 31/5		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Số dự án	Dự kiến Kế hoạch điều chỉnh 2019	Tăng/Giảm so với KH đầu năm	
				Khối lượng thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KL/KH	GN/KH				Tăng	Giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (5)/(4)	(9)= (6)/(4)	(10)= (7)/(4)	(11)	(12)	(13)= (12)-(4)	(14)= (12)-(4)
	TỔNG CỘNG (A+B)	328	7.821.313	2.942.001	2.287.389	3.330.800	37,6%	29,2%	42,6%	341	12.139.462	4.623.368	305.219
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (I+II)	3	321.313	153.367	93.404	153.367	47,7%	29,1%	47,7%	3	321.313	0	0
I	VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)	2	286.423	118.477	58.514	118.477	41,4%	20,4%	41,4%	2	286.423	0	0
II	VỐN TRONG NƯỚC	1	34.890	34.890	34.890	34.890	100,0%	100,0%	100,0%	1	34.890	0	0
	<i>Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu</i>	<i>1</i>	<i>34.890</i>	<i>34.890</i>	<i>34.890</i>	<i>34.890</i>	<i>100,0%</i>	<i>100,0%</i>	<i>100,0%</i>	<i>1</i>	<i>34.890</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
B	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III)	325	7.500.000	2.788.634	2.193.985	3.177.433	37,2%	29,3%	42,4%	338	11.818.149	4.623.368	305.219
I	VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (1+2+3)	325	6.170.000	1.118.024	648.389	1.424.093	18,1%	10,5%	23,1%	324	8.882.449	3.017.668	305.219
1	Vốn ngân sách tỉnh tập trung (1.1+1.2)	168	4.208.000	712.432	339.067	847.322	16,9%	8,1%	20,1%	169	6.529.931	2.500.884	178.953
1.1	Chuẩn bị đầu tư (a+b+c)	71	68.315	4.870	1.599	6.352	7,1%	2,3%	9,3%	63	454.427	395.300	9.188
a	Hạ tầng kinh tế	36	50.015	4.456	1.493	4.290	8,9%	3,0%	8,6%	33	431.465	384.455	3.005
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	10	5.300	414	106	1.696	7,8%	2,0%	32,0%	13	9.962	5.562	900
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	25	13.000	0	0	366	0,0%	0,0%	2,8%	17	13.000	5.283	5.283
1.2	Thực hiện dự án (a+b+c)	97	4.139.685	707.562	337.469	840.970	17,1%	8,2%	20,3%	106	6.075.504	2.105.584	169.765
a	Hạ tầng kinh tế	43	2.756.485	421.826	277.347	621.936	15,3%	10,1%	22,6%	50	4.268.117	1.581.253	69.621
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	38	991.200	132.308	52.523	111.195	13,3%	5,3%	11,2%	38	1.376.813	410.724	25.111
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	16	392.000	153.428	7.599	107.839	39,1%	1,9%	27,5%	18	430.574	113.607	75.033
2	Vốn xổ số kiến thiết (a+b)	95	1.405.000	282.648	208.712	417.291	20,1%	14,9%	29,7%	98	1.619.518	221.818	7.300
a	Cấp tỉnh làm chủ đầu tư	5	433.310	86.622	41.302	115.647	20,0%	9,5%	26,7%	5	505.912	79.902	7.300
b	Cấp huyện làm chủ đầu tư	90	971.690	196.026	167.410	301.644	20,2%	17,2%	31,0%	93	1.113.606	141.916	
3	Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện	62	557.000	122.944	100.610	159.480	22,1%	18,1%	28,6%	57	733.000	294.966	118.966
II	VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	0	1.330.000	477.410	352.396	560.140	35,9%	26,5%	42,1%	14	1.742.500	412.500	0
1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		1.330.000	477.410	352.396	560.140	35,9%	26,5%	42,1%	0	1.330.000	0	
2	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện									14	412.500	412.500	
III	VỐN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG *			1.193.200	1.193.200	1.193.200					1.193.200	1.193.200	

(*) thực hiện và giải ngân theo cơ chế bội chi ngân sách

Phụ lục II

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG NĂM 2019
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019**

Phân theo các nguồn vốn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch năm 2019	Tình hình thực hiện từ đầu năm đến 31/5/2019		Ước khối lượng đủ điều kiện giải ngân đến 30/6	Tỷ lệ % đến 31/5		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Kế hoạch điều chỉnh 2019	Tăng/Giảm so với KH đầu năm	
				KL thực hiện	Giải ngân		KL/KH	GN/KH			Tăng	Giảm
	TỔNG CỘNG (1+2+...+8+9)	164	2.858.690	796.380	620.416	1.021.263	28%	22%	36%	3.589.106	810.242	79.826
	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>		<i>1.330.000</i>	<i>477.410</i>	<i>352.396</i>	<i>560.140</i>	<i>36%</i>	<i>26%</i>	<i>42%</i>	<i>1.330.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
	<i>Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện</i>	<i>57</i>	<i>557.000</i>	<i>122.944</i>	<i>100.610</i>	<i>159.480</i>	<i>22%</i>	<i>18%</i>	<i>29%</i>	<i>733.000</i>	<i>182.643</i>	<i>6.643</i>
	<i>Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư</i>	<i>93</i>	<i>971.690</i>	<i>196.026</i>	<i>167.410</i>	<i>301.644</i>	<i>20%</i>	<i>17%</i>	<i>31%</i>	<i>1.113.606</i>	<i>215.099</i>	<i>73.183</i>
	<i>Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện</i>	<i>14</i>								<i>412.500</i>	<i>412.500</i>	
1	Thành phố Thủ Dầu Một	30	496.704	33.023	44.819	62.776	7%	9%	13%	526.704	30.000	
<i>1.1</i>	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>		<i>220.704</i>	<i>11.411</i>	<i>11.405</i>	<i>26.376</i>	<i>5%</i>	<i>5%</i>	<i>12%</i>	<i>220.704</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>1.2</i>	<i>Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện</i>	<i>15</i>	<i>180.000</i>	<i>13.067</i>	<i>24.958</i>	<i>26.728</i>	<i>7%</i>	<i>14%</i>	<i>15%</i>	<i>180.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>1.3</i>	<i>Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư</i>	<i>13</i>	<i>96.000</i>	<i>8.545</i>	<i>8.456</i>	<i>9.672</i>	<i>9%</i>	<i>9%</i>	<i>10%</i>	<i>96.000</i>	<i>10.969</i>	<i>10.969</i>
<i>1.4</i>	<i>Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện</i>	<i>2</i>								<i>30.000</i>	<i>30.000</i>	
2	Thị xã Thuận An	19	502.223	69.180	91.081	122.440	14%	18%	24%	629.010	126.787	
<i>2.1</i>	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>		<i>264.823</i>	<i>40.990</i>	<i>65.047</i>	<i>65.047</i>	<i>15%</i>	<i>25%</i>	<i>25%</i>	<i>264.823</i>	<i>-</i>	
<i>2.2</i>	<i>Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện</i>	<i>6</i>	<i>64.200</i>	<i>10.017</i>	<i>11.785</i>	<i>26.300</i>	<i>16%</i>	<i>18%</i>	<i>41%</i>	<i>83.487</i>	<i>19.287</i>	
<i>2.3</i>	<i>Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư</i>	<i>10</i>	<i>173.200</i>	<i>18.173</i>	<i>14.249</i>	<i>31.093</i>	<i>10%</i>	<i>8%</i>	<i>18%</i>	<i>213.200</i>	<i>41.390</i>	<i>1.390</i>
<i>2.4</i>	<i>Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện</i>	<i>3</i>								<i>67.500</i>	<i>67.500</i>	
3	Thị xã Dĩ An	15	441.858	173.657	148.064	193.720	39%	34%	44%	566.949	125.091	
<i>3.1</i>	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>		<i>256.208</i>	<i>107.261</i>	<i>83.384</i>	<i>104.077</i>	<i>42%</i>	<i>33%</i>	<i>41%</i>	<i>256.208</i>		
<i>3.2</i>	<i>Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện</i>	<i>2</i>	<i>50.000</i>	<i>12.376</i>	<i>10.677</i>	<i>12.376</i>	<i>25%</i>	<i>21%</i>	<i>25%</i>	<i>51.291</i>	<i>1.291</i>	
<i>3.3</i>	<i>Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư</i>	<i>12</i>	<i>135.650</i>	<i>54.020</i>	<i>54.003</i>	<i>77.267</i>	<i>40%</i>	<i>40%</i>	<i>57%</i>	<i>194.450</i>	<i>64.735</i>	<i>5.935</i>
<i>3.4</i>	<i>Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện</i>	<i>1</i>								<i>65.000</i>	<i>65.000</i>	
4	Thị xã Tân Uyên	26	349.488	110.917	92.056	123.811	32%	26%	35%	422.488	73.000	
<i>4.1</i>	<i>Vốn phân cấp theo tiêu chí</i>		<i>101.688</i>	<i>66.000</i>	<i>62.534</i>	<i>66.000</i>	<i>65%</i>	<i>61%</i>	<i>65%</i>	<i>101.688</i>		
<i>4.2</i>	<i>Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện</i>	<i>9</i>	<i>55.000</i>	<i>2.751</i>	<i>1.551</i>	<i>10.407</i>	<i>5%</i>	<i>3%</i>	<i>19%</i>	<i>55.000</i>		

[illegible]

Phụ lục III

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG NĂM 2019

Phân theo các Chủ đầu tư (Nguồn vốn Ngân sách địa phương)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2019	Tình hình thực hiện từ đầu năm đến 31/05/2019		Ước khối lượng giải ngân đến 30/6	Tỷ lệ GN/KH 31/5	Ước tỷ lệ GN/KH 30/6
			KL thực hiện (CĐT)	Giá trị giải ngân (KBNN)			
	TỔNG CỘNG	7.500.000	1.595.434	1.000.785	1.984.356	13,3%	26,5%
A	09 Huyện, thị xã, thành phố	3.169.765	867.605	693.510	1.099.731	21,9%	34,7%
1	UBND tp. Thủ Dầu Một	591.239	45.323	57.851	76.486	9,8%	12,9%
2	UBND tx. Thuận An	554.023	81.556	101.758	134.816	18,4%	24,3%
3	UBND tx. Dĩ An	548.568	162.494	138.600	182.557	25,3%	33,3%
4	UBND tx. Tân Uyên	349.688	110.917	92.056	123.811	26,3%	35,4%
5	UBND huyện Bắc Tân Uyên	281.402	112.697	92.851	153.708	33,0%	54,6%
6	UBND tx. Bến Cát	221.196	75.193	39.993	97.328	18,1%	44,0%
7	UBND huyện Bàu Bàng	222.387	83.166	79.895	124.466	35,9%	56,0%
8	UBND huyện Phú Giáo	211.534	124.490	50.880	136.244	24,1%	64,4%
9	UBND huyện Dầu Tiếng	189.728	71.769	39.626	70.315	20,9%	37,1%
B	Chủ đầu tư các Sở, ban, ngành	4.330.235	727.829	307.275	884.625	7,1%	20,4%
I	Kế hoạch vốn trên 200 tỷ đồng	4.059.515	597.097	303.515	814.140	7,5%	20,1%
10	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	2.792.320	418.259	244.287	644.584	8,7%	23,1%
11	Công an tỉnh	236.400	101.826	6.458	66.143	2,7%	28,0%
12	Sở Nông nghiệp PTNT	236.650	-	26.456	26.401	11,2%	11,2%
13	Ban quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	794.145	77.012	26.314	77.012	3,3%	9,7%
II	Kế hoạch vốn từ 50 đến 200 tỷ đồng	163.550	106.964	1.364	40.012	0,8%	24,5%
14	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	109.100	48.537	742	38.631	0,7%	35,4%
15	Đài Phát thanh truyền hình	54.450	58.427	622	1.381	1,1%	2,5%
III	Kế hoạch vốn từ 10 đến 50 tỷ đồng	85.918	14.363	1.792	19.867	2,1%	23,1%
16	Bệnh viện đa khoa	16.818	14.026	1.444	13.067	8,6%	77,7%
17	Sở Văn Hóa TT - DL	44.500	337	337	6.800	0,8%	15,3%
18	Sở Xây dựng	14.600	-	-	-	0,0%	0,0%
19	Liên đoàn lao động tỉnh	10.000	-	11	-	0,1%	0,0%
IV	Kế hoạch vốn dưới 10 tỷ đồng	21.252	9.405	604	10.607	2,8%	49,9%
20	Trung tâm đầu tư khai thác nước sạch nông thôn	3.980	3.488	265	3.612	6,7%	90,7%
21	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	7.000	1.112	245	1.993	3,5%	28,5%
22	Báo Bình Dương	81	421	-	-	0,0%	0,0%
23	Sở Khoa học và Công nghệ	1.850	-	-	-	0,0%	0,0%
24	BV y học cổ truyền	994	221	-	515	0,0%	51,8%
25	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.400	1.056	-	1.056	0,0%	75,4%
26	Sở Tài nguyên và Môi trường	3.570	2.557	-	2.557	0,0%	71,6%
27	Sở Thông tin truyền thông	151	18	-	120	0,0%	79,5%
28	Sở Nội vụ	500	-	-	-	0,0%	0,0%
29	TT kiểm nghiệm	820	438	-	660	0,0%	80,5%
30	BV phục hồi chức năng	406	94	94	94	23,2%	23,2%
31	Văn phòng Tỉnh ủy	500	-	-	-	0,0%	0,0%

Phụ lục IV

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG NĂM 2019
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
DANH MỤC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công năm 2019	Ước tình hình thực hiện đến 31/5/2019		Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 30/6	Tỷ lệ % đến 31/5		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Kế hoạch điều chỉnh ĐTC năm 2019
				KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KL/KH	GN/KH		
	TỔNG CỘNG		4.159.008	589.945	377.275	852.246	14,2%	9,1%	20,5%	5.670.278
	VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG		3.229.868	397.694	255.768	580.622	12,3%	7,9%	18,0%	4.620.357
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		12.790	125	233	299	1,0%	1,8%	2,3%	206.495
A	HẠ TẦNG KINH TẾ		7.790	57	164	230	0,7%	2,1%	3,0%	201.495
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		7.790	57	164	230	0,7%	2,1%	3,0%	201.495
1	Tuyến đường trục chính Đông Tây: đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp Quốc Lộ 1K (khoảng 3.640m)	UBND thị xã Dĩ An	1.400	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	61.000
2	Tuyến đường vành đai Đông Bắc 2: đoạn từ trục chính Đông Tây (khu vực giữa khu dân cư Bình Nguyên và Trường Cao đẳng nghề Đồng An) đến giáp đường Mỹ Phước - Tân Vạn (khoảng 1.600m)	UBND thị xã Dĩ An	500	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	50.500
3	Đường Đất Cuốc đi Thới Hòa - An Điền (trùng tuyến đường Vành đai 4)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.495	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	1.495
4	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 2: Xây dựng cầu vượt sông Đồng Nai	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	3.000	57	164	164	1,9%	5,5%	5,5%	4.500
5	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.395	0	0	66	0,0%	0,0%	4,7%	84.000
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI		5.000	68	69	69	1,4%	1,4%	1,4%	5.000
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		5.000	68	69	69	1,4%	1,4%	1,4%	5.000
6	Thiết bị Bệnh viện đa khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	5.000	68	69	69	1,4%	1,4%	1,4%	5.000
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		3.217.078	397.569	255.535	580.323	12,4%	7,9%	18,0%	4.413.862

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công năm 2019	Ước tình hình thực hiện đến 31/5/2019		Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 30/6	Tỷ lệ % đến 31/5		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Kế hoạch điều chỉnh ĐTC năm 2019
				KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KL/KH	GN/KH		
A	HẠ TẦNG KINH TẾ		2.335.225	285.086	207.476	494.203	12,2%	8,9%	21,2%	3.241.965
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		1.186.065	227.111	150.553	410.327	19,1%	12,7%	34,6%	2.001.817
7	Dự án đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài	UBND thị xã Dĩ An	11.040	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	28.040
8	Dự án xây dựng đường Bắc Nam 3	UBND thị xã Dĩ An	15.770	1.213	1.213	1.213	7,7%	7,7%	7,7%	80.770
9	Đường Bạch Đằng nối dài, Tp.Thủ Dầu Một	UBND Thành phố Thủ Dầu Một	82.165	12.100	11.422	12.100	14,7%	13,9%	14,7%	102.165
10	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cồng Xanh	UBND huyện Tân Uyên	0	0	0	0				3.000
11	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 1	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	800	318	318	318	39,8%	39,8%	39,8%	1.900
12	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 2	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	47.500	6.137	1.197	3.079	12,9%	2,5%	6,5%	197.500
13	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình đường Mỹ Phước - Tân Vạn	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	4.580	24	0	0	0,5%	0,0%	0,0%	4.580
14	Giao lộ ngã tư Phú Thứ Bến Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	800	5.300	0	5.300	662,5%	0,0%	662,5%	4.000
15	Xây dựng đường nối từ cầu Thới An đến ĐT748	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	200	100	0	100	50,0%	0,0%	50,0%	200
16	Đường ĐT744 đoạn từ Km12+000 đến Km32+000	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	70.000	61.234	42.536	61.234	87,5%	60,8%	87,5%	86.235
17	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa (ranh thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Cồng Xanh (giáp đường ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	56.340	5.000	0	6.000	8,9%	0,0%	10,6%	56.340
18	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Muộn đi ngã ba Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	40.000	4.470	3.470	4.470	11,2%	8,7%	11,2%	40.000
19	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	20.000	37.655	0	30.481	188,3%	0,0%	152,4%	80.485

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công năm 2019	Ước tính hình thức hiện đến 31/5/2019		Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 30/6	Tỷ lệ % đến 31/5		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Kế hoạch điều chỉnh ĐTC năm 2019
				KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KL/KH	GN/KH		
20	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, cải tạo các nút giao lộ Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm giao cầu Phú Long đến nút giao ngã tư Hòa Lân)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	245	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	245
21	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	200.000	19.000	0	121.000	9,5%	0,0%	60,5%	502.305
22	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, dự án trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	512.500	72.024	89.953	161.953	14,1%	17,6%	31,6%	644.712
23	Xây dựng đường Thủ Biên - Đất Cuốc với quy mô 4 làn xe (GD 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	123.340	2.512	444	3.079	2,0%	0,4%	2,5%	123.340
24	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	785	24	0	0	3,1%	0,0%	0,0%	46.000
II	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		1.149.160	57.975	56.923	83.876	5,0%	5,0%	7,3%	1.240.148
25	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	Ban quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	410.615	8.600	500	8.600	2,1%	0,1%	2,1%	410.615
26	Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	2.000	2.000	0	2.000	100,0%	0,0%	100,0%	2.000
27	Trục thoát nước Suối Giữa, thành phố Thủ Dầu Một	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	2.795	2.500	0	2.200	89,4%	0,0%	78,7%	3.579
28	Trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	187.350	13.400	4.773	13.200	7,2%	2,5%	7,0%	187.350
29	Hệ thống thoát nước Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	200.000	0	20.773	20.773	0,0%	10,4%	10,4%	350.000
30	Trục thoát nước Chòm Sao - Suối Đền	Sở Nông nghiệp và PTNT	31.400	0	5.628	5.628	0,0%	17,9%	17,9%	31.400
31	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực thị xã Dĩ An	Ban quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	315.000	31.475	25.249	31.475	10,0%	8,0%	10,0%	255.204
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI		881.853	112.483	48.059	86.120	12,8%	5,4%	9,8%	1.171.897
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		679.519	52.720	47.048	83.767	7,8%	6,9%	12,3%	961.781

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công năm 2019	Ước tính hình thực hiện đến 31/5/2019		Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 30/6	Tỷ lệ % đến 31/5		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Kế hoạch điều chỉnh ĐTC năm 2019
				KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KL/KH	GN/KH		
32	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	97.000	29.667	25.163	44.962	30,6%	25,9%	46,4%	97.000
33	Xây dựng khối kỹ thuật trung tâm và nhà quản (thuộc khu quy hoạch chi tiết 1/500 bệnh viện đa khoa 1500 giường và ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	234.150	3.148	14	2.750	1,3%	0,0%	1,2%	234.150
34	Bệnh viện đa khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	214.162	0	16.147	16.147	0,0%	7,5%	7,5%	496.424
35	Các trục giao thông chính thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của Nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	97.000	19.900	5.724	19.900	20,5%	5,9%	20,5%	97.000
36	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	1.000
37	Trạm xử lý nước thải cho các bệnh viện thuộc khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	36.207	6	0	8	0,0%	0,0%	0,0%	36.207
II	SỰ NGHIỆP PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH		50.232	58.769	67	1.409	117,0%	0,1%	2,8%	57.416
38	Đầu tư thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình Trường quay - Nhà bá âm	Đài Phát thanh truyền hình	50.000	57.719	0	359	115,4%	0,0%	0,7%	53.636
39	Trường quay- nhà bá âm FM Đài phát thanh truyền hình Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	232	1.050	67	1.050	452,6%	28,9%	452,6%	3.780
III	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN		152.000	892	842	842	0,6%	0,6%	0,6%	152.000
40	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm chiến khu Đ	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	152.000	892	842	842	0,6%	0,6%	0,6%	152.000
IV	CÁC KHOẢN CHI KHÁC THEO QUY ĐỊNH		102	102	102	102	100,0%	100,0%	100,0%	700
41	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư liên kế-phường Định Hòa	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	102	102	102	102	100,0%	100,0%	100,0%	700
	VỐN XỎ SỐ KIẾN THIẾT		895.312	188.207	121.216	271.333	21,0%	13,5%	30,3%	934.122
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		895.312	188.207	121.216	271.333	21,0%	13,5%	30,3%	934.122
I	GIÁO DỤC		445.890	88.766	66.007	119.811	19,9%	14,8%	26,9%	408.758

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công năm 2019	Ước tình hình thực hiện đến 31/5/2019		Ước KLTH đủ điều kiện giải ngân đến 30/6	Tỷ lệ % đến 31/5		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Kế hoạch điều chỉnh ĐTC năm 2019
				KL thực hiện (CĐT)	Giải ngân (KBNN)		KL/KH	GN/KH		
42	81 công trình trường học mầm non, phổ thông các cấp (không bao gồm danh mục xã hội hoá)-(nguồn vốn xổ số)		445.890	88.766	66.007	119.811	19,9%	14,8%	26,9%	408.758
II	Y TẾ		449.422	99.441	55.209	151.522	22,1%	12,3%	33,7%	525.364
43	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	379.422	81.794	37.562	110.739	21,6%	9,9%	29,2%	451.364
44	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng - quy mô 100 giường bệnh - Nguồn XSKT	UBND huyện Bàu Bàng	70.000	17.647	17.647	40.783	25,2%	25,2%	58,3%	74.000
	VỐN TỈNH HỖ TRỢ CẤP HUYỆN		33.828	4.044	291	291	12,0%	0,9%	0,9%	115.799
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		30.900	2.044	291	291	6,6%	0,9%	0,9%	34.960
I	Y TẾ		30.900	2.044	291	291	6,6%	0,9%	0,9%	34.960
45	Trung tâm y tế huyện Bắc Tân Uyên quy mô 100 giường; Giai đoạn 1: 60 giường	UBND huyện Bắc Tân Uyên	30.900	2.044	291	291	6,6%	0,9%	0,9%	34.960
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		2.928	2.000	0	0	68,3%	0,0%	0,0%	80.839
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		1.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	78.839
46	Đường Lê Chí Dân, phường Hiệp An	UBND Tp.Thủ Dầu Một	1.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	78.839
II	GIÁO DỤC		0	2.000	0	0				500
47	81 công trình trường học mầm non, phổ thông các cấp (không bao gồm danh mục xã hội hoá)-(nguồn vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện)			2.000						500
III	VĂN HÓA - THÔNG TIN		1.928	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	1.500
48	Nhà tang lễ thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp.Thủ Dầu Một	1.928	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	1.500

Phụ lục V
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG NĂM 2019
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
CÁC DỰ ÁN ĐỀN BÙ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch 2019	Thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/5/2019		Ước Khối lượng nghiệm thu đến 30/6/2019	Tỷ lệ % đến 31/5		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Kế hoạch điều chỉnh 2019
			Khối lượng thực hiện	Giải ngân		KL/KH	GN/KH		
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	867.110	128.727	89.953	313.434	14,8%	10,4%	36,1%	1.425.837
A	HẠ TẦNG KINH TẾ (A=I+II+III+IV)	866.110	128.727	89.953	313.434	14,9%	10,4%	36,2%	1.424.837
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	738.110	128.727	89.953	313.434	17,4%	12,2%	42,5%	1.296.837
1	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 (giai đoạn 2018 - 2021)	245	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	245
2	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, dự án trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên	512.500	72.024	89.953	161.953	14,1%	17,6%	31,6%	644.712
3	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài về hướng khu công nghiệp Mỹ Phước II và III	0	0	0	0				15.510
4	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	200.000	19.000	0	121.000	9,5%	0,0%	60,5%	502.305
5	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	20.000	37.655	0	30.481	188,3%	0,0%	152,4%	80.485
6	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình đường Mỹ Phước - Tân Vạn	4.580	24	0	0	0,5%	0,0%	0,0%	4.580
7	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	785	24	0	0	3,1%	0,0%	0,0%	46.000
8	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh	0	0	0	0				3.000
II	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	128.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	128.000
9	Đền bù mở rộng suối Lồ Ô thuộc dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	128.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	128.000
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI	1.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	1.000
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	1.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	1.000
10	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	1.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	1.000

PHỤ LỤC VI
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIẠN GIẢI NGÂN TỪ NĂM 2018 SANG NĂM 2019
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Vốn kéo dài 2018 sang 2019	Tình hình thực hiện đến 31/5/2019		Tỷ lệ %	Ghi chú
				Khối lượng thực hiện	Giải ngân	GN/KH 31/5	
	TỔNG CỘNG		235.090	5.212	46.763	20%	
I	Vốn ngân sách tỉnh tập trung		235.090	5.212	46.763	20%	
1	Thực hiện dự án		235.090	5.212	46.763	20%	
a	Hạ tầng kinh tế		230.520	5.212	46.763	20%	
	Dự án chuyển tiếp		230.520	5.212	46.763	20%	
1	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình đường Mỹ Phước- Tân Vạn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	40.000	4.057	4.057	10%	
2	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)		40.000	1.155	1.155	3%	
3	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)		100.000			0%	
4	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc		50.520	41.551	41.551	82%	
b	Hạ tầng văn hóa - xã hội		4.570	-	-	0%	
	Dự án chuyển tiếp		4.570	-	-	0%	
5	Dự án đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT cho tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh	Sở TTTT	1.000	-	-	0%	
6	Trùng tu, tôn tạo Di tích lịch sử Đình Phú Long	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	3.205			0%	
7	Xây dựng Trung tâm tích hợp Dữ liệu Tỉnh ủy và phần mềm đặc thù cho các cơ quan đảng tỉnh Bình Dương	Văn phòng Tỉnh ủy	365			0%	